

THỊ TRƯỜNG SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP

Số 15 năm 2017

Kỳ 1 tháng 12 năm 2017

Đơn vị thực hiện:

❖ Cục Công Thương
địa phương

❖ Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và
Thương mại

Địa chỉ liên hệ:

655 Phạm Văn Đồng

Bắc Từ Liêm – Hà Nội

Tel: (024) 37152585

Fax: (024) 37152574

➤ TỔNG QUAN	2
➤ THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA	3
❖ <i>Diễn biến tình hình thị trường nông, lâm, thủy sản từ ngày 30/11/2017 đến 15/12/2017</i>	3
❖ <i>Chính sách phát triển nông nghiệp chưa thực sự hiệu quả</i>	5
➤ THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU	6
❖ <i>Xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản sang Trung Quốc chiếm tỷ trọng gần 30% trong 11 tháng năm 2017</i>	6
❖ <i>EU đứng thứ hai về thị trường xuất khẩu nông, thủy sản của Việt Nam</i>	10
❖ <i>Xuất khẩu nông, thủy sản sang Nhật Bản thuận lợi</i>	14
➤ THÔNG TIN XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI	19
❖ <i>Phú Yên: Xây dựng thương hiệu nông sản sạch</i>	19
❖ <i>Tuyên Quang phát triển cá lồng đặc sản VietGAP</i>	21
❖ <i>Xoài Việt Nam chính thức được vào thị trường Mỹ</i>	22
❖ <i>Xuất nhập khẩu nông sản qua Cửa khẩu Móng Cái - Đông Hưng có nhiều lợi thế lớn</i>	22
❖ <i>Gạo Việt Nam lọt “top” 2 loại gạo ngon nhất thế giới</i>	23
❖ <i>Giao thương</i>	24
➤ THÔNG TIN CHÍNH SÁCH	25
❖ <i>Một số thay đổi về thuế nhập khẩu ưu đãi từ ngày 01/01/2018</i>	25
❖ <i>Phấn đấu sản xuất thủy sản tăng 4,5 - 5%/năm giai đoạn 2017 - 2020</i>	27
➤ TIN VĂN	27

TỔNG QUAN

Trong lĩnh vực ngoại thương, số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan cho thấy, tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nông, thủy sản trong 11 tháng năm 2017 đạt 23,57 tỷ USD, tăng 26,3% so với cùng kỳ năm 2016. Đây là mức cao nhất từ trước đến nay của nhóm hàng này, trong đó một số mặt hàng nông sản của Việt Nam đạt kim ngạch xuất khẩu cao kỷ lục như thủy sản và rau quả. Với diễn biến tích cực vượt mong đợi của xuất khẩu hàng nông, thủy sản, ngành nông nghiệp tiếp tục khẳng định là một trong những “trụ đỡ” quan trọng của nền kinh tế, tạo tiền đề để ngành đề ra mục tiêu tăng trưởng cao hơn trong những năm tiếp theo.

Tại thị trường trong nước, trong nửa đầu tháng 12/2017, giá hầu hết các mặt hàng nông, thủy sản trong nước đã có xu hướng giảm so với kỳ trước. Trong đó, giá lúa gạo tiếp tục giảm 200 – 400 đ/kg so với cuối tháng 11/2017 do nhiều tiểu thương và doanh nghiệp giảm thu mua lúa gạo vì cơ bản đã đủ hàng theo các hợp đồng đã ký.

Một số thông tin đáng chú ý:

- ➔ Cơ quan Kiểm dịch sức khỏe động thực vật thuộc Bộ Nông nghiệp Mỹ công bố giấy phép có hiệu lực bắt đầu từ ngày 29/12/2017 cho trái xoài tươi của Việt Nam được nhập khẩu vào thị trường Mỹ. Theo đó, xoài tươi từ Việt Nam sẽ vào thị trường Mỹ với điều kiện phải được kiểm soát một cách có hệ thống bao gồm tuân thủ các điều kiện về nhà vườn và cơ sở đóng gói, xử lý chiếu xạ, và kiểm dịch tại cửa khẩu nhập.
- ➔ Trong 11 tháng năm 2017 có 7 mặt hàng nông, thủy sản đạt trên 1 tỷ USD, tuy nhiên, đáng lo ngại là ngoại trừ hạt tiêu, các mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực còn lại đều phụ thuộc rất nhiều vào thị trường Trung Quốc, trong đó có mặt hàng riêng xuất khẩu sang Trung Quốc đã chiếm tới gần 90% thị phần.
- ➔ Hiện Mỹ là thị trường xuất khẩu hàng hóa lớn nhất của nước ta với kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này chiếm khoảng 20% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước, tuy nhiên Mỹ chỉ là thị trường xuất khẩu nông, thủy sản lớn thứ 3 của Việt Nam với kim ngạch xuất khẩu trong 11 tháng qua đạt 3,2 tỷ USD, tăng nhẹ 3,2% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 13,4% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này. Trong đó, một trong những khó khăn lớn nhất mà doanh nghiệp xuất khẩu nông, thủy sản Việt Nam sang thị trường Mỹ phải đối diện là những thay đổi về xu hướng bảo hộ thông qua các rào cản kỹ thuật, tiêu chuẩn chặt chẽ về chất lượng, an toàn thực phẩm, nguồn gốc sản phẩm.
- ➔ EU hiện đứng thứ 2 về thị trường tiêu thụ hàng nông, thủy sản của Việt Nam với kim ngạch xuất khẩu trong 11 tháng năm 2017 đạt 3,8 tỷ USD, tăng 13,3% so với cùng kỳ năm ngoái và chiếm 16,2% tổng kim ngạch hàng nông, thủy sản xuất khẩu của Việt Nam.
- ➔ Kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng nông, thủy sản sang Nhật Bản trong 11 tháng năm 2017 đạt 1,58 tỷ USD, tăng 19,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, thủy sản xuất khẩu là mặt hàng xuất khẩu chủ lực sang Nhật Bản với kim ngạch đạt 1,19 tỷ USD, chiếm tới 75% tỷ trọng xuất khẩu nhóm hàng này sang Nhật Bản.

THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA**Diễn biến tình hình thị trường nông, lâm, thủy sản trong kỳ từ ngày 30/11/2017 đến 15/12/2017**

Trong nửa đầu tháng 12/2017, giá các mặt hàng nông, thủy sản trong nước có xu hướng giảm so với kỳ trước.

Giá gạo: Giá lúa gạo trong nước nửa đầu tháng 12/2017 tiếp tục giảm 200 – 400 đ/kg so với cuối tháng 11/2017 do nhiều tiểu thương và doanh nghiệp giảm thu mua lúa gạo vì cơ bản đã đủ hàng theo các hợp đồng đã ký. Tuy nhiên, giá nhiều loại lúa vẫn đang ở mức cao hơn từ 600 - 1.000 đồng/kg so với cùng kỳ năm trước.

Trong khi đó, theo nhiều doanh nghiệp chế biến gạo xuất khẩu, hiện đầu ra xuất khẩu gạo của nước ta vẫn đang khá tốt. Tuy nhiên, doanh nghiệp thận trọng trong ký các hợp đồng xuất khẩu gạo mới vì lo không có đủ hàng để giao do nông dân tại ĐBSCL đã thu hoạch gần hết lúa thu đông 2017 và đã bán lúa ngay sau thu hoạch.

Tính đến ngày 15/12/2017, giá lúa khô tại kho khu vực ĐBSCL loại thường dao động từ 5.700– 5.800 đ/kg, lúa dài khoảng 5.900 – 6.000 đ/kg. Giá gạo nguyên liệu loại 1 làm ra gạo 5% tấm hiện khoảng 7.300 – 7.400 đ/kg tùy từng địa phương, gạo nguyên liệu làm ra gạo 25% tấm là 7.100 – 7.200 đ/kg tùy chất lượng và địa phương. Giá gạo thành phẩm 5% tấm không bao bì tại mạn hiện khoảng 8.500 – 8.600 đ/kg, gạo 15% tấm 8.200 – 8.300 đ/kg và gạo 25% tấm khoảng 8.000 – 8.100 đ/kg tùy chất lượng và địa phương.

Giá chào bán gạo trắng 5% tấm của Việt Nam cũng được điều chỉnh giảm 10 USD/tấn so với cuối tháng 11/2017, dao động ở mức 395 USD/tấn (FOB).

Giá cà phê: Giá cà phê trong nước nhìn chung khá ổn định trong 15 ngày đầu tháng 12/2017 do áp lực từ nguồn cung cà phê từ vụ thu hoạch mới của Việt Nam bất chấp việc nguồn cung cà phê Robusta toàn cầu được dự báo có thể sẽ một lần nữa bị thắt chặt trong năm tới.

Giá cà phê nhân xô tại các tỉnh Tây Nguyên hiện đang dao động từ 35.800 – 36.600 đồng/kg. Tại cảng TPHCM giá cà phê Robusta đạt 1.653 USD/tấn (FOB).

Giá cao su: Giá thu mua mủ cao su nguyên liệu trong nước tiếp tục giảm 2% - 2,7% so với cuối tháng 11/2017, dao động từ 8.200 – 11.900 đ/kg.

Tuy vậy, giá cao su được nhận định là sẽ cải thiện theo chiều hướng tích cực hơn trong thời gian tới do các nhà nhập khẩu cao su đang đẩy mạnh mua vào trước thời điểm cây cao su bước vào giai đoạn cho năng suất thấp.

Ngoài ra, thị trường còn được hỗ trợ bởi thông tin Chính phủ Thái Lan sẽ đẩy mạnh hoạt động mua vào lên đến 50.000-80.000 tấn/năm từ mức hiện tại 20.000-30.000 tấn, nhằm thúc đẩy giá.

Trong khi đó, mới đây các quốc gia sản xuất cao su hàng đầu châu Á gồm Thái Lan, Indonesia và Malaysia (chiếm gần 70% cao su tự nhiên của thế giới) đã thống nhất kể từ giữa tháng 12/2017, sẽ giảm khối lượng xuất khẩu cao su tự nhiên trong nỗ lực tìm hướng giải quyết tình trạng giá cao su tiếp tục giảm.

Giá thủy, hải sản: Trong nửa đầu tháng 12/2017, giá thủy hải sản trong nước khá ổn định. Giá cá tra nguyên liệu loại 1 tại Đồng Tháp đạt 30.500 đ/kg, loại 2 đạt 28.500 đ/kg. Tôm càng xanh loại 100 con/kg đạt 280.000 đ/kg. Nhu cầu từ các thị trường đang gia tăng là nguyên nhân khiến giá thủy, hải sản ổn định ở mức cao.

THỊ TRƯỜNG SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP

Tại cửa khẩu Móng Cái, trong nửa đầu tháng 12/2017, các công ty, đơn vị và tư thương của Việt Nam chuyên kinh doanh về xuất khẩu ngành hàng thủy, hải sản sang thị trường Trung Quốc qua cửa khẩu Móng Cái đã tập trung vào những sản phẩm cấp đông chất lượng cao, loại đặc sản và bảo quản sống nguyên dạng theo nhu cầu của đối tác, đáp ứng cho người tiêu dùng vào cuối năm nay. Sản lượng xuất khẩu cũng đã tăng đáng kể, đạt mức khá cao 9.250 tấn. Tỷ giá giữa VNĐ/NDT hiện tương đối ổn định, mặt khác, tình hình cung – cầu vẫn giữ thế cân bằng nhất định, nên giá cả giao dịch xuất nhập khẩu các sản phẩm thủy, hải sản ít biến động.

Tham khảo giá nông, thủy sản tại thị trường trong nước đến ngày 15/12/2017

(ĐVT: 1.000 đ/kg; USD/tấn)

Tên hàng	Ngày 15/12/2017	So với ngày 29/11/2017	So với đầu năm 2017 (%)	So với đầu năm 2016 (%)
Lúa khô loại thường	5.800	0,0	11,5	8,4
Lúa khô loại dài	6.000	-3,2	11,1	8,1
Gạo nguyên liệu loại 1 làm ra gạo 5% tấm	7.400	-5,1	10,4	6,5
Gạo nguyên liệu loại 1 làm ra gạo 25% tấm	7.200	-5,3	10,8	5,9
Giá gạo thành phẩm 5% tấm	8.600	-1,7	17,8	7,5
Giá gạo thành phẩm 15% tấm	8.300	-2,4	16,9	6,4
Giá gạo thành phẩm 25% tấm	8.100	-2,4	15,7	6,6
Giá chào bán gạo trắng 5% tấm (USD/tấn)	395	-2,5	16,2	1,3
Giá chào bán gạo trắng 25% tấm (USD/tấn)	370	-6,3	12,1	0,0
Cà phê nhân xô tại Tây Nguyên	36.600	-0,3	-16,6	12,3
Giá cà phê Robusta xuất khẩu tại cảng TP Hồ Chí Minh (USD/tấn)	1.653	0,0	-16,4	9,0
Chè xanh Thái Nguyên búp khô	100.000	0,0	0,0	-16,7
Chè cành Thái Nguyên chất lượng cao	185.000	0,0	0,0	-7,5
Chè xanh Thái Nguyên búp khô (loại 1)	115.000	0,0	-14,8	-28,1
Chè xanh nguyên liệu loại 1 tại Lâm Đồng	9.000	0,0	28,6	0,0
Chè đen nguyên liệu loại 1 tại Lâm Đồng	6.000	0,0	71,4	33,3
Giá nhân điều khô tại Bình Phước	45.000	0,0	-16,7	12,5
Tiêu đen Tây Nguyên và Nam Bộ	78.000	1,3	-43,1	-54,1
Mủ chén, dây khô	11.900	-2,5		
Mủ chén ướt	8.200	-2,4		
Mủ đông khô	10.700	-2,7		
Mủ đông ướt	8.700	-2,2		
SVR CV	41.579	-0,8	-17,2	54,4
SVR 10	32.130	2,3	-25,1	34,5
SVR 20	32.031	2,4	-25,1	34,6
Cá tra thịt trắng loại 1 tại Đồng Tháp	30.500	0,0	24,5	41,9
Cá tra thịt trắng loại 2 tại Đồng Tháp	28.500	0,0	26,7	46,2
Tôm càng xanh (100 con/kg) Đồng Tháp	280.000	0,0	16,7	12,0

Nguồn: Trung tâm Thông tin CN&TM tổng hợp

Chính sách phát triển nông nghiệp chưa thực sự hiệu quả

Ngày 28/1/2008, quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) chính thức được Bộ NN&PTNT ban hành. Sau gần 10 năm triển khai, việc áp dụng tiêu chuẩn này vẫn gặp nhiều khó khăn, hầu hết mới dừng ở mô hình thí điểm. Hiện chi phí sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP tương đối lớn (tăng 20-30% so với sản xuất thường), nhưng giá bán sản phẩm còn thấp nên không khuyến khích được nông dân ứng dụng rộng rãi. Ngoài ra, quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP rất phức tạp nên nông dân lúng túng, chưa quen với việc ghi chép sổ sách nhật ký đồng ruộng - trong khi đây là yêu cầu bắt buộc đối với vùng sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn VietGAP. Bên cạnh đó, mặc dù đã có nhiều chính sách hỗ trợ, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp an toàn, phát triển bền vững, tuy nhiên trên thực tế việc thực hiện các chính sách về phát triển nông nghiệp chưa thật sự đi vào cuộc sống.

Tại Hà Nội, đối với rau xanh, thành phố hiện có tổng diện tích canh tác hơn 12.000 ha với sản lượng đạt gần 600 nghìn tấn/năm, trong đó diện tích được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn đạt hơn 5.000 ha, hơn 220 ha đạt tiêu chuẩn VietGAP và gần 50 ha rau hữu cơ. Ngoài ra, thành phố đã xây dựng được tám cơ sở sơ chế rau an toàn, với công suất từ 3 đến 7 tấn/ngày và 64 cơ sở chế biến quy mô nhỏ của hợp tác xã (HTX), doanh nghiệp, mỗi cơ sở có công suất từ 200 đến 1.000 kg/ngày, cung cấp rau bảo đảm chất lượng, an toàn ra thị trường. Mỗi năm, chi cục Bảo vệ thực vật Hà Nội lấy từ 300 đến 1.000 mẫu rau để phân tích dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, nhưng chỉ phát hiện từ 1% đến 2% mẫu phân tích có dư lượng thuốc vượt ngưỡng cho phép.

Mặc dù đạt nhiều kết quả, nhưng việc sản xuất, chế biến, tiêu thụ rau an toàn nói riêng, các loại nông sản nói chung tại Hà Nội gặp không ít khó khăn. Nguyên nhân do chi phí sản xuất theo tiêu chuẩn này cao hơn 20% so với các loại rau thông thường, nhưng chỉ khoảng 10% sản lượng rau được bán với giá trị thực cho siêu thị, cửa hàng tiện ích, còn lại phải bán như rau thường ngoài chợ. Ngoài ra, với quy định sau 2 năm phải xin cấp lại Giấy chứng nhận VietGAP với giá từ 20 đến 70 triệu đồng (tùy vào dòng sản phẩm đăng ký) cùng với lợi nhuận thấp nên hợp tác xã và nông dân không tiếp tục sản xuất theo mô hình này. Không chỉ khó khăn ở khâu sản xuất, quản lý, lưu thông sản phẩm nông nghiệp còn yếu kém; công tác kiểm tra, giám sát xuất xứ, nguồn gốc sản phẩm lưu thông trên thị trường cũng còn nhiều hạn chế, các cơ quan quản lý nhà nước chưa kiểm soát được nguồn gốc xuất xứ sản phẩm dẫn đến tình trạng mập mờ về chất lượng giữa sản xuất theo quy trình VietGAP và không VietGAP, dẫn đến tình trạng rau không an toàn trà trộn, lẫn át rau sạch, gây khó khăn cho người sản xuất. Cùng với rau an toàn, sản phẩm nông sản trôi nổi ngoài thị trường trà trộn với nông sản sạch làm người tiêu dùng rất khó phân biệt. Nếu công tác kiểm tra, kiểm soát và xử phạt đối với các cơ sở sản xuất vi phạm không chặt chẽ sẽ đẩy các cơ sở làm ăn chân chính, nhất là những đơn vị đã đầu tư xây dựng chuỗi sản xuất, chế biến, kinh doanh nông sản đến chỗ phá sản. Ngoài ra, việc tiếp cận nguồn vốn vay của doanh nghiệp nông nghiệp vẫn còn không ít phức tạp.

Từ năm 2013 đến nay, HĐND thành phố đã ban hành bốn nghị quyết để hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, nhằm tạo ra sản phẩm sạch, mô hình sản xuất an toàn, phát triển bền vững. UBND thành phố ban hành nhiều kế hoạch, chính sách hỗ trợ cho người sản xuất, kinh doanh và chế biến nông sản, với mong muốn tạo ra nhiều nông sản an toàn, chất lượng cao cho người tiêu dùng. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy việc thực hiện chính sách về phát triển nông nghiệp trên địa bàn, kể cả những chính sách của trung ương còn nhiều hạn chế, chưa thật sự đi vào cuộc sống, chưa đến được với nông dân, cần phải sớm điều chỉnh phù hợp đặc thù nông nghiệp Thủ đô.

Tại Quảng Ngãi, theo phê duyệt của UBND tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2009 - 2015, toàn tỉnh hình thành 7 vùng sản xuất rau an toàn tập trung, với tổng diện tích hơn 293 ha. Theo tính toán, giá trị sản xuất rau bình quân đạt từ 100 - 120 triệu đồng/ha, trong đó sản xuất rau an toàn đạt khoảng 150 - 200 triệu đồng/ha. Tuy nhiên, đến thời điểm này, các địa phương trong tỉnh mới sản xuất rau an toàn trên diện tích 12,22 ha, chỉ đạt 4,16% so với diện tích quy hoạch. Nguyên nhân chính là do thị trường tiêu thụ rau an toàn gặp nhiều khó khăn, giá thành sản phẩm cao hơn rau thông thường, chưa có sự phân biệt giữa rau an toàn và không an toàn, một số địa phương chưa thực sự vào cuộc quyết liệt để phát triển vùng sản xuất rau an toàn.

Để tháo gỡ khó khăn cho sản xuất nông nghiệp VietGAP, cần có sự phối hợp chặt chẽ của “4 nhà” trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Trong đó, thời gian đầu cần sự hỗ trợ cơ bản của Nhà nước khi làm mô hình mẫu, xây dựng thương hiệu quốc gia, phát triển thị trường, sau đó nhân rộng trên toàn quốc. Các địa phương khi triển khai mô hình VietGAP nên lựa chọn những vùng sinh thái phù hợp để khai thác lợi thế điều kiện tự nhiên; tổ chức lại sản xuất theo hướng liên kết các hộ dân thành hợp tác xã, tổ hợp tác; khuyến khích và phát huy hiệu quả chuỗi liên kết giữa doanh nghiệp với nông dân. Để nâng cao chất lượng sản phẩm, chính quyền địa phương cần phối hợp với hợp tác xã giám sát việc sản xuất của nông dân trên đồng ruộng từ khi nhập giống về trồng đến chăm sóc, thu hoạch, tiêu thụ... Mặt khác, các cơ quan quản lý nhà nước cần kiểm soát chặt chẽ việc cấp Giấy chứng nhận VietGAP của các tổ chức chứng nhận, tránh tình trạng “cấp khống” cho các vùng sản xuất, tiềm ẩn nguy cơ bị trà trộn sản phẩm không rõ nguồn gốc khi tiêu thụ, dẫn tới tình trạng “con sâu làm rầu nồi canh”... Về lâu dài, các bộ, ngành cần có chính sách phù hợp khuyến khích sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo tiêu chuẩn VietGAP và tiến tới Global Gap, bởi đây sẽ là yêu cầu của các thị trường tiêu thụ nông sản trong thời gian tới.

THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU

Xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản sang Trung Quốc chiếm tỷ trọng gần 30% trong 11 tháng năm 2017

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, trong 11 tháng năm 2017, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản (bao gồm 9 mặt hàng: gạo, hạt tiêu, hạt điều, cà phê, chè, rau quả, sắn, cao su và thủy sản) đạt 23,5 tỷ USD, tăng 16,9% so với cùng kỳ năm 2016. Đây là mức cao nhất từ trước đến nay của nhóm hàng này, trong đó một số mặt hàng nông sản của Việt Nam đạt kim ngạch xuất khẩu cao kỷ lục như thủy sản và rau quả.

Với tiềm năng và “dư địa” rất lớn trong xuất khẩu, rau quả tiếp tục có những bứt phá đem về kim ngạch cao cho toàn ngành. Nếu như năm 2016 kim ngạch xuất khẩu rau quả đạt 2,4 tỷ USD thì trong 11 tháng năm 2017, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này đã ở mức 3,177 tỷ USD tăng 44,1% so với cùng kỳ năm trước.

Cùng với bứt phá về xuất khẩu rau quả, còn phải kể đến giá trị xuất khẩu thủy sản. Nếu như đầu năm 2017, ngành thủy sản chỉ đặt mục tiêu xuất khẩu đạt 7,4 tỷ USD thì đến thời điểm này xuất khẩu thủy sản đã đạt tới 7,6 tỷ USD và hoàn toàn có thể vượt trên mốc 8 tỷ USD trong cả năm 2017 trong bối cảnh nhiều thị trường xuất khẩu mới ghi nhận sự tăng trưởng đột phá. Kết quả này một phần nhờ doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản Việt Nam chứng minh được nguồn gốc, xuất xứ sản phẩm sạch, đồng thời đẩy mạnh việc tìm kiếm thêm các thị trường mới đối với những mặt hàng chủ lực là tôm và cá tra... Bên cạnh đó, diễn biến thời tiết thuận lợi cho khai thác và nuôi trồng thủy sản, với sản lượng và khai thác đều tăng cũng hỗ trợ không nhỏ cho việc đẩy mạnh xuất khẩu.

Những điểm sáng trong “bức tranh xuất khẩu nông sản” khẳng định nông nghiệp tiếp tục là một trong những “trụ đỡ” quan trọng của nền kinh tế, tạo tiền đề để ngành đề ra mục tiêu cao hơn trong những năm tiếp theo.

Tình hình xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy sản tháng 11 và 11 tháng năm 2017

(Đơn vị tính: Lượng: nghìn tấn; Trị giá: triệu USD)

Nhóm/Mặt hàng chủ yếu	Tháng 11/2017		So với tháng 10/2017 (%)		So với tháng 11/2016 (%)		11 tháng năm 2017		So với 11 tháng năm 2016 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Hàng thủy sản		768		-10,3		14,0		7.603		18,9
Hàng rau quả		312		30,0		59,3		3.177		44,1
Hạt điều	32	326	-3,3	-2,6	9,3	21,9	324	3.214	1,1	23,7
Cà phê	100	217	27,1	17,4	-12,3	-12,7	1.282	2.922	-21,5	-2,8
Chè	13	22	-2,5	1,5	0,3	2,7	128	209	10,6	9,0
Hạt tiêu	11	48	-3,4	-4,9	9,5	-32,6	203	1.067	20,3	-21,5
Gạo	375	180	-22,4	-26,8	17,8	27,9	5.461	2.462	22,9	23,3
Sắn và các sản phẩm từ sắn	356	104	22,0	23,6	6,9	18,1	3.507	909	4,9	0,4
- Sắn	145	25	32,0	19,8	74,6	108,0	1.455	248	3,2	1,7
Cao su	145	213	24,7	18,9	14,3	14	1215	2.011	8,4	39

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu hàng hóa bình quân tháng 11 và 11 tháng năm 2017 (ĐVT: USD/tấn)

Tên hàng	Tháng 11/2017	So với tháng 10/2017 (%)	So với tháng 11/2016 (%)	11 tháng năm 2017	So với 11 tháng năm 2016 (%)
Hạt điều	10.026	0,7	11,5	9.926	22,3
Cà phê	2.158	-7,6	-0,4	2.279	23,8
Chè	1.772	4,1	2,4	1.626	-1,4
Hạt tiêu	4.540	-1,6	-38,4	5.258	-34,7
Gạo	480	-5,6	8,5	451	0,4
Sắn và các sản phẩm từ sắn	293	1,4	10,4	259	-4,3
Sắn	172	-9,2	19,1	171	-1,5
Cao su	1.465	-4,6	-0,2	1.655	28,3

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Nhóm hàng nông, thủy sản trong 11 tháng năm 2017 chủ yếu được xuất khẩu sang các thị trường: Trung Quốc với 6,98 tỷ USD, tăng 38,9% so với cùng kỳ năm trước, xuất khẩu nhóm hàng này sang Trung Quốc chiếm tỷ trọng 29,6% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước; thị trường EU đạt kim ngạch 3,8 tỷ USD, tăng 13,3%, chiếm tỷ trọng 16,2%; Hoa Kỳ với 3,16 tỷ USD, tăng 3,2% so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ trọng 13,4%;...

Đáng chú ý, trong 11 tháng qua có 7 mặt hàng nông, lâm, thủy sản đạt trên 1 tỷ USD, tuy nhiên, đáng lo ngại là ngoại trừ hạt tiêu, các mặt hàng chủ lực còn lại đều phụ thuộc rất nhiều vào thị trường Trung Quốc. Cụ thể, với mặt hàng gạo, thị trường Trung Quốc đang đứng vị trí thứ nhất với 39,5% thị phần; cao su xuất khẩu trên 2 tỷ USD, thì riêng thị trường Trung Quốc đã đạt 1,3 tỷ USD, chiếm 64% thị phần. Mặt hàng rau quả - điểm sáng trong xuất khẩu nông sản thời gian qua thì riêng xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc cũng chiếm gần 76% thị phần, đạt 2,4 tỷ USD, trong khi xuất khẩu rau quả sang các thị trường khó tính như Nhật Bản, Hoa Kỳ, Hàn Quốc mới chỉ chiếm thị phần khá nhỏ (lần lượt 3,6%, 2,9%, và 2,6%). Tương tự, với một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực như hạt điều, thủy sản, Trung Quốc cũng là thị trường chủ chốt với thị phần khá lớn, từ 13 - 14%. Trong khi đó, mặt hàng có khả năng đạt kim ngạch 1 tỷ USD năm nay là sắn và các sản phẩm sắn (đạt 909 triệu USD trong 11

tháng đầu năm 2017) cũng có mức độ phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc rất cao - chiếm tới 88,6% tỷ trọng, trong khi các thị trường còn lại chỉ chiếm chưa đầy 12%.

Mặc dù tỷ trọng xuất khẩu hàng nông sản sang Trung Quốc hiện đang ở mức cao nhất trong danh sách, tuy nhiên giá xuất khẩu nông sản sang thị trường này đã phần thấp hơn nhiều thị trường khác, thiếu bền vững và khả năng bị ép giá cao. Ví dụ như giá xuất khẩu gạo bình quân 11 tháng/2017 sang Trung Quốc chỉ đạt 448 USD/tấn, trong khi giá bình quân chung là 451 USD/tấn; giá xuất khẩu hạt điều sang Trung Quốc ở mức 9.857 USD/tấn, thì giá điều xuất khẩu bình quân 11 tháng qua đạt 9.926 USD/tấn... Tuy vậy, cũng phải thừa nhận rằng, đây là thị trường vô cùng quan trọng với ngành nông sản xuất khẩu của Việt Nam từ trước đến nay. Với mức tăng trưởng xuất khẩu nông sản vào Trung Quốc ở mức cao nhất nếu so với các đối thủ cạnh tranh trong khu vực Đông Nam Á, Việt Nam đang tiếp tục đẩy mạnh đàm phán với phía Trung Quốc để xuất khẩu chính ngạch các mặt hàng chủ lực, đồng thời tăng cường các hoạt động quảng bá tại thị trường rộng lớn này để nâng cao tính cạnh tranh của hàng hóa với các nước. Hiện tại, Trung Quốc đã bắt đầu thắt chặt quản lý thương mại biên mậu, kiểm soát chặt chất lượng nông lâm sản nhập khẩu. Đây vừa là thách thức, đồng thời vừa là cơ hội lớn của ngành nông nghiệp Việt Nam.

Trong thời gian tới, để xuất khẩu nông sản bền vững, ổn định, hiệu quả và không phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc cần phải đa dạng hóa thị trường, có chiến lược và sách lược cụ thể. Trước mắt, cần tháo gỡ những nút thắt quan trọng, đó là đẩy mạnh đàm phán xuất khẩu chính ngạch, đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu.

Tuy nhiên, cũng cần nhìn nhận rằng, việc phát triển, mở rộng thị trường xuất khẩu hàng nông sản sang các khu vực thị trường khác, đặc biệt là những thị trường khó tính là điều không hề dễ dàng trong bối cảnh hoạt động xuất khẩu hàng nông sản chủ lực của Việt Nam vẫn phải đối mặt với hàng loạt khó khăn về năng lực sản xuất, năng lực quản lý kinh doanh cũng như sức cạnh tranh còn yếu.

Tiêu biểu như đối với thị trường Mỹ. Hiện Mỹ là thị trường xuất khẩu hàng hóa lớn nhất của nước ta với kim ngạch chiếm khoảng 20% tỷ trọng, tuy nhiên Mỹ chỉ là thị trường xuất khẩu nông, thủy sản lớn thứ 3 của Việt Nam với kim ngạch trong 11 tháng qua đạt 3,2 tỷ USD, tăng nhẹ 3,2% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 13,4% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này. Trong đó, một trong những khó khăn lớn nhất mà doanh nghiệp xuất khẩu nông, thủy sản Việt Nam sang Mỹ phải đối diện là những thay đổi về xu hướng bảo hộ thông qua các rào cản kỹ thuật, tiêu chuẩn chặt chẽ về chất lượng, an toàn thực phẩm, nguồn gốc sản phẩm. Đơn cử, từ ngày 1/1/2018, Chính phủ Mỹ sẽ áp dụng Chương trình giám sát hải sản nhập khẩu (SIMP), chống lại các hoạt động khai thác hải sản bất hợp pháp (IUU) và gian lận hải sản vào nước này. Đến nay, không ít doanh nghiệp còn chưa hiểu rõ những yêu cầu, quy định của chương trình. Ngoài ra, Luật Hiện đại hóa an toàn thực phẩm của Mỹ cũng yêu cầu tất cả các nhà máy phải gia hạn đăng ký xuất khẩu thủy sản sang Mỹ sau mỗi 2 năm, bắt đầu từ năm 2016, tuy nhiên, nhiều doanh nghiệp chưa để tâm đến vấn đề này.

Thời gian tới, xuất khẩu nông, thủy sản sẽ có nhiều cơ hội khởi sắc do nhu cầu thị trường tăng và có thêm các ưu đãi về thuế theo lộ trình triển khai cam kết hội nhập quốc tế. Để thúc đẩy xuất khẩu hàng nông sản chủ lực Việt Nam ra thị trường thế giới, trước mắt cần triển khai đồng bộ và nhanh chóng các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng ngành hàng, đảm bảo đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn quốc tế và xây dựng thương hiệu cho hàng nông, thủy sản.

Một số thị trường xuất khẩu nông, lâm, thủy sản chủ lực trong 11 tháng năm 2017

Mặt hàng	Tháng 11/2017 (Nghìn USD)	So với tháng 10/2017 (%)	So với tháng 11/2016 (%)	11 tháng/2017 (Nghìn USD)	So với 11 tháng năm 2016 (%)	Tỷ trọng trên tổng KNXK (%)
Trung Quốc	728.669	10,1	41,9	6.981.838	38,9	29,6
EU	331.011	-9,7	13,7	3.808.766	13,3	16,2
Hà Lan	87.587	-10,3	38,8	915.066	35,9	3,9
Đức	79.033	36,4	12,7	811.887	-2,1	3,4
Anh	41.867	-31,1	51,3	500.227	21,3	2,1
Italia	29.977	-36,5	-14,4	459.261	13,3	1,9
Tây Ban Nha	20.378	-24,3	-16,6	316.684	-6,6	1,3
Bỉ	29.675	-0,8	-14,3	315.378	20,9	1,3
Pháp	22.918	5,4	45,3	231.240	9,1	1,0
Bồ Đào Nha	6.172	-1,5	14,4	67.922	7,8	0,3
Đan Mạch	3.799	-46,1	-14,1	63.976	81,0	0,3
Ba Lan	3.179	-29,7	-17,9	55.212	-5,6	0,2
Hy Lạp	2.327	44,5	51,9	22.738	-18,0	0,1
Rumani	836	-49,4	-62,9	17.642	10,6	0,1
Thụy Điển	2.219	-2,8	69,2	16.627	1,0	0,1
Cộng Hoà Séc	1.045	44,4	-6,9	12.641	10,2	0,1
Phần Lan	0			2.265	53,3	0,0
Mỹ	274.251	0,8	-0,6	3.168.660	3,2	13,4
ASEAN	140.508	7,0	6,0	1.681.152	1,8	7,1
Malaysia	44.428	8,8	3,6	508.018	22,9	2,2
Philippin	34.971	34,1	62,1	458.316	12,3	1,9
Thái Lan	37.151	-5,3	-15,2	437.281	4,1	1,9
Singapore	16.736	-3,0	-9,2	184.668	2,4	0,8
Indonesia	4.662	-15,1	53,6	62.363	-68,3	0,3
Campuchia	1.919	0,5	48,8	15.957	4,1	0,1
Brunei	147	2,5	-84,5	7.467	-39,9	0,0
Lào	493	29,7	-20,9	7.081	33,3	0,0
Nhật Bản	156.085	-0,2	5,0	1.580.171	19,2	6,7
Hàn Quốc	99.094	-4,9	17,2	978.843	25,2	4,2
Australia	39.423	-6,8	6,4	358.869	1,1	1,5
Canada	31.198	-23,8	2,3	347.383	15,3	1,5
Nga	27.437	-5,5	3,9	329.901	4,3	1,4
Ấn Độ	26.102	27,6	10,9	290.040	-5,6	1,2
Đài Loan	24.158	-12,9	-3,3	260.200	11,4	1,1
Hồng Kông	21.100	-9,3	2,2	209.791	-2,1	0,9
Gana	19.820	-24,5	291,1	198.670	-10,6	0,8
UAE	12.895	-9,2	-13,4	190.673	-6,7	0,8
Mexico	15.553	-2,4	9,8	184.075	5,9	0,8
Pakixtan	18.114	25,5	-4,7	138.493	-11,8	0,6
Ixraen	9.820	36,9	-1,2	127.146	32,3	0,5
Angiêri	8.268	48,4	0,9	118.909	5,3	0,5
Braxin	9.896	0,8	45,6	109.817	57,9	0,5
Bangladesh	92	75,6		97.703		0,4
Bờ Biển Ngà	2.021	249,2	-90,1	92.245	2,2	0,4
Irắc	18.347	-0,9	976,9	78.437	544,9	0,3
Ai Cập	4.037	-19,3	-21,6	77.630	-25,3	0,3
Thổ Nhĩ Kỳ	5.162	11,0	-3,2	65.816	44,5	0,3
Ả Rập Xê út	6.031	-9,2	23,6	63.970	8,1	0,3
Côlombia	4.685	32,2	19,5	50.483	-3,0	0,2

THỊ TRƯỜNG SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP

Mặt hàng	Tháng 11/2017 (Nghìn USD)	So với tháng 10/2017 (%)	So với tháng 11/2016 (%)	11 tháng/2017 (Nghìn USD)	So với 11 tháng năm 2016 (%)	Tỷ trọng trên tổng KNXK (%)
New Zealand	3.970	-22,7	7,0	44.367	13,7	0,2
Thụy Sĩ	2.644	-34,9	-2,7	38.644	-8,1	0,2
Nam Phi	2.340	-35,4	-26,1	29.838	-44,3	0,1
Ukraina	2.414	-35,9	-12,5	29.551	2,4	0,1
Côoét	1.203	-0,7	5,4	12.835	-16,0	0,1
Na Uy	688	-42,3	-10,2	10.183	35,9	0,0
Xê-nê-gan				8.181	8.888	0,0
Angôla	96	-79,3	8,0	5.895	-59,6	0,0
Achentina	212	-45,0	46,1	3.405	39,3	0,0
Chilê	21			1.708	-18,2	0,0

Nguồn: Tổng cục Hải quan

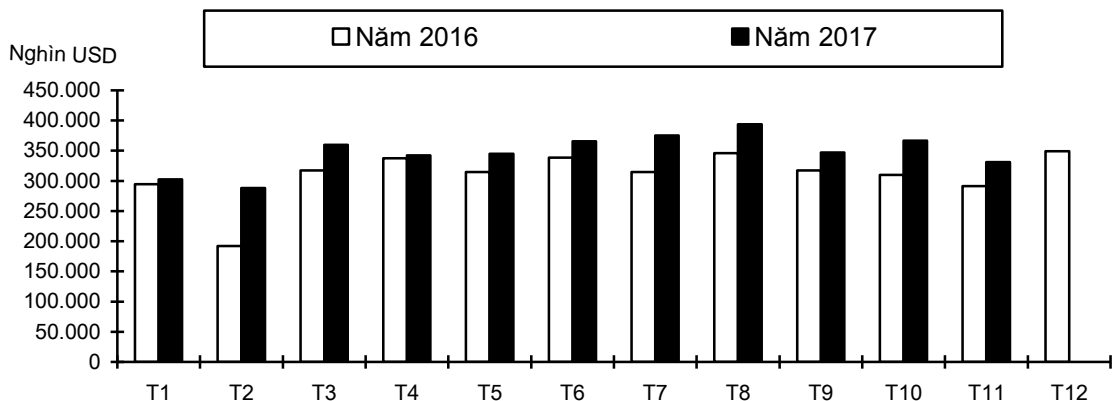
EU đứng thứ hai về thị trường xuất khẩu nông, thủy sản của Việt Nam

- Xuất khẩu nông, thủy sản của Việt Nam sang thị trường EU tăng khá mạnh

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, EU đứng thứ 2 về thị trường tiêu thụ hàng nông, thủy sản của Việt Nam trong 11 tháng năm 2017 với kim ngạch đạt 3,8 tỷ USD, tăng 13,3% so với cùng kỳ năm ngoái và chiếm 16,2% tổng kim ngạch hàng nông, thủy sản xuất khẩu của Việt Nam.

Tính riêng trong tháng 11/2017, kim ngạch xuất khẩu hàng nông, thủy sản của Việt Nam sang thị trường EU đạt 331,01 triệu USD, giảm 9,7% so với tháng trước nhưng lại tăng 13,7% so với cùng kỳ năm ngoái.

Kim ngạch xuất khẩu nông, thủy sản của Việt Nam tới thị trường EU năm 2016-2017



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về chủng loại: Trong tháng 11/2017, kim ngạch xuất khẩu hầu hết các mặt hàng nông, thủy sản của Việt Nam sang thị trường EU đều giảm so với tháng trước. Trong đó, hàng thủy sản giảm 22%, hạt điều giảm 14%, cao su giảm 15,4%, hạt tiêu giảm 13,8%, gạo giảm 73,6%.

Mặc dù giảm trong tháng vừa qua nhưng tính chung 11 tháng năm nay kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng nông, thủy sản chủ lực của Việt Nam sang thị trường EU vẫn tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, hàng thủy sản là mặt hàng đứng đầu về kim ngạch xuất khẩu nông, thủy sản của Việt Nam sang EU với kim ngạch đạt 1,3 tỷ USD, tăng mạnh 22,9% so với cùng kỳ năm ngoái.

Bên cạnh đó, kim ngạch xuất khẩu hạt điều sang thị trường EU tăng 35,8% so với 11 tháng năm 2016; Cao su tăng 52,2%; Hàng rau quả tăng 12,2%.

Ở chiều ngược lại, kim ngạch xuất khẩu hạt tiêu sang EU giảm 34,3%, cà phê giảm 0,6%, gạo giảm 50,8%, chè giảm 5,1%.

Xuất khẩu các mặt hàng nông, thủy sản của Việt Nam sang thị trường EU

(ĐVT: nghìn USD)

Tên hàng	Tháng 11/2017	So với tháng 10/2017 (%)	So với tháng 11/2016 (%)	11 tháng năm 2017	So với 11 tháng năm 2016 (%)
Hàng thủy sản	128.208	-22,0	32,8	1.297.394	22,9
Cà phê	91.884	22,6	-15,0	1.230.781	-0,6
Hạt điều	80.263	-13,9	46,0	874.307	35,8
Cao su	13.569	-15,4	14,9	154.880	52,2
Hàng rau quả	8.725	7,9	15,7	94.569	12,2
Hạt tiêu	7.846	-13,8	-28,9	149.754	-34,3
Chè	426	-0,5	12,9	3.292	-5,1
Gạo	89	-73,6	-88,5	3.789	-50,8
Tổng	331.011	-9,7	13,7	3.808.766	13,3

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về thị trường: Thị trường xuất khẩu hàng nông, thủy sản của Việt Nam trong Liên minh châu Âu đã có sự thay đổi nhất định trong 11 tháng năm 2017. Theo đó, với kim ngạch xuất khẩu tăng mạnh 35,9% so với cùng kỳ năm ngoái, Hà Lan đã vượt qua Đức để trở thành thị trường tiêu thụ hàng nông, thủy sản lớn nhất của Việt Nam trong khối thị trường chung châu Âu.

Bên cạnh đó, kim ngạch xuất khẩu hàng nông, thủy sản của Việt Nam sang các thị trường khác như: Anh, Italia, Bỉ, Pháp... cũng tăng từ 10% - 21,3%.

Tuy nhiên, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này tới thị trường Đức giảm 2,1%, xuống còn 811,88 triệu USD trong 11 tháng năm 2017; Tây Ban Nha cũng giảm 6,6%, Ba Lan giảm 5,6%...

Thị trường xuất khẩu nông, thủy sản của Việt Nam tại EU (ĐVT: nghìn USD)

Thị trường	Tháng 11/2017	So với tháng 10/2017 (%)	So với tháng 11/2016 (%)	11 tháng năm 2017	So với tháng 11/2016 (%)
Hà Lan	87.587	-10,3	38,8	915.066	35,9
Đức	79.033	36,4	12,7	811.887	-2,1
Anh	41.867	-31,1	51,3	500.227	21,3
Italia	29.977	-36,5	-14,4	459.261	13,3
Bỉ	29.675	-0,8	-14,3	315.378	20,9
Pháp	22.918	5,4	45,3	231.240	9,1
Tây Ban Nha	20.378	-24,3	-16,6	316.684	-6,6
Bồ Đào Nha	6.172	-1,5	14,4	67.922	7,8
Đan Mạch	3.799	-46,1	-14,1	63.976	81,0
Ba Lan	3.179	-29,7	-17,9	55.212	-5,6
Hy Lạp	2.327	44,5	51,9	22.738	-18,0
Thụy Điển	2.219	-2,8	69,2	16.627	1,0
Cộng Hoà Séc	1.045	44,4	-6,9	12.641	10,2
Rumani	836	-49,4	-62,9	17.642	10,6
Phần Lan	0	-100,0	-100,0	2.265	53,3
Tổng	331.011	-9,7	13,7	3.808.766	13,3

Nguồn: Tổng cục Hải quan

- Nhận định và dự báo:

Trong bối cảnh nhu cầu tiêu thụ hàng nông, thủy sản tại EU thường tăng mạnh trong dịp Lễ tết cuối năm, ước tính trong tháng 12/2017 kim ngạch xuất khẩu hàng nông, thủy sản của Việt Nam sang thị trường EU sẽ đạt khoảng 370 triệu USD, tăng 6% so với cùng kỳ năm ngoái; nâng tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này sang thị trường EU trong năm 2017 lên mức 4,18 tỷ USD, tăng 12,6% so với năm 2016. Đây là mức tăng trưởng khá cao khi mà hàng nông, thủy sản của Việt Nam đã gặp phải không ít khó khăn từ những hàng rào kỹ thuật, yêu cầu khắt khe về tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc... từ phía EU.

Hiện nay một số mặt hàng nông, thủy sản của Việt Nam đang gặp nhiều khó khăn do hàng rào kỹ thuật từ EU, đặc biệt là việc thủy sản bị thẻ vàng từ phía EU. Do đó, nếu không có những giải pháp kịp thời tháo gỡ khó khăn thì xuất khẩu hàng nông, thủy sản của Việt Nam sang EU sẽ khó có thể duy trì được đà tăng trưởng như năm 2017.

Về những thuận lợi khi xuất khẩu sang EU:

+ Cam kết mở cửa thị trường mạnh mẽ trong Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) sẽ là yếu tố quan trọng để thúc đẩy quan hệ thương mại Việt Nam-EU trong tương lai. Đây cũng là cơ hội mở rộng hơn nữa thị trường cho hàng xuất khẩu Việt Nam, nhất là những sản phẩm thế mạnh của Việt Nam như dệt may, giày dép, nông thủy sản, đồ gỗ.

+ Đặc biệt, hiện Việt Nam tiếp tục được hưởng Quy chế ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP) cho giai đoạn 2017- 2019, được coi là thuận lợi rất lớn cho doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam so với các nước xuất khẩu vào EU nhưng không được hưởng GSP.

+ Bên cạnh đó, EU là một thị trường lớn và tiềm năng với 28 quốc gia thành viên và dân số trên 500 triệu người. Thời gian qua, quan hệ thương mại Việt Nam - EU đã phát triển nhanh chóng, tuy nhiên dư địa thị trường EU vẫn còn rất lớn để cho các doanh nghiệp Việt Nam khai thác.

+ Theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), khu vực sử dụng đồng Euro (Eurozone) có sự phục hồi mạnh và Eurozone đã thoát khỏi cuộc khủng hoảng tài chính bắt đầu cách đây gần một thập kỷ, bất chấp những tác động thất thường của việc Anh rời khỏi Liên minh châu Âu (EU). Theo đó, IMF đã nâng dự báo tăng trưởng của Eurozone từ 1,9% lên 2,1% trong năm 2017 và từ 1,7% lên 1,9% trong năm 2018. Kết quả này phản ánh sự gia tăng xuất khẩu và nhu cầu nội địa mạnh nhờ chính sách lãi suất thấp của Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB).

Bên cạnh những thuận lợi, xuất khẩu hàng nông, thủy sản sang EU cũng phải đối mặt với những khó khăn và thách thức như:

+ Hiện nay, hệ thống luật pháp, chính sách của Việt Nam vẫn thiếu đồng bộ, nhất quán, ổn định và đây là nguyên nhân gây bất lợi khi phải đối mặt với các vụ tranh chấp và kiện quốc tế. Đối với Hiệp định EVFTA, mặc dù hướng tới xóa bỏ thuế nhập khẩu lên đến gần 100% biểu thuế và kim ngạch thương mại của hai bên, song doanh nghiệp Việt Nam chưa hiểu biết đầy đủ đối với vấn đề xuất xứ.

+ EU là một trong những thị trường có nhiều quy định kỹ thuật khá khắt khe, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững... cần đáp ứng tốt các yêu cầu tiếp cận thị trường. Nhất là khi FTA có hiệu lực, cơ hội về thuế và tiếp cận thị trường, nhưng nếu không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật thì hàng hóa của Việt Nam sẽ không vào được EU dù có lợi thế FTA.

+ Không chỉ vậy, hiện châu Âu đang phải đối mặt với nhiều bất ổn về tình hình chính trị như: Anh rời khỏi EU, Catalan trưng cầu dân ý xin tách khỏi Tây Ban Nha, những điều này sẽ ảnh hưởng đến các doanh nghiệp xuất khẩu trên thế giới sang EU nói chung và các doanh nghiệp xuất khẩu từ Việt Nam sang EU nói riêng.

Về giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu hàng nông, thủy sản sang EU

+ Tại thị trường EU, thông qua các sự kiện Tuần hàng Việt Nam tại nước ngoài, xúc tiến thương mại quốc gia, xây dựng các buổi gặp mặt B2B kết nối các doanh nghiệp (DN) xuất khẩu Việt Nam với trực tiếp các hãng phân phối lớn tại EU để DN Việt Nam có cơ hội giới thiệu năng lực, quảng bá mặt hàng, tìm kiếm cơ hội xuất khẩu trực tiếp.

+ Cần chủ động tìm hiểu và xây dựng kế hoạch trong việc điều chỉnh chuỗi cung ứng, các nguyên vật liệu đầu vào để đảm bảo đáp ứng các quy tắc xuất xứ, qua đó mới có thể thực sự tận dụng được thuế suất ưu đãi khi EVFTA có hiệu lực.

+ Cần chú ý đảm bảo đáp ứng đầy đủ quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm, cũng như đảm bảo nguồn gốc xuất xứ để tránh bị điều tra, hoặc bị áp dụng những hình thức phòng vệ thương mại...

+ Các doanh nghiệp Việt Nam đã và đang xuất khẩu sang EU qua Anh chú ý theo dõi sát tình hình, chủ động xây dựng các phương án xuất khẩu bổ sung, thay thế để kịp thời phản ứng với các tình huống có thể xảy ra.

- Đánh giá về xuất khẩu một số mặt hàng nông, thủy sản sang EU

Thủy sản:

Tính đến hết tháng 11/2017, EU là thị trường tiêu thụ thủy sản lớn thứ hai của Việt Nam và chiếm 17% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam. Xuất khẩu thủy sản sang EU tăng mạnh từ đầu năm đến nay là do thị trường này tăng cường nhập khẩu tôm của Việt Nam, đặc biệt là các mặt hàng chế biến có giá trị gia tăng cao.

Trong năm nay, thị trường EU còn có nhiều thay đổi tích cực về nhu cầu nhập khẩu tôm của Việt Nam. Cụ thể, nhiều hệ thống bán lẻ tại EU đang chuyển dần từ tôm đông lạnh sang bán các sản phẩm tôm chế biến sâu. Vì vậy, các sản phẩm tôm sạch, tinh chế tại Việt Nam đang được ưa chuộng ở thị trường này. Đây chính là cơ hội lớn để ngành tôm Việt Nam nâng cao giá trị cũng như kim ngạch xuất khẩu.

Tuy nhiên, với việc bị “đính” thẻ vàng của EU và có nguy cơ đổi màu thẻ, nếu vấn đề này xảy ra sẽ tác động lớn đến kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam vào thị trường EU trong năm 2018.

Do vậy, trong thời gian tới toàn ngành thủy sản và các cơ quan chức năng phải hành động tích cực và quyết liệt để “thoát” thẻ vàng, và chí ít thì cũng không để đổi màu thẻ làm ảnh hưởng lớn đến kế hoạch xuất khẩu của ngành thủy sản trong năm 2018.

Hàng rau quả:

Việt Nam hiện xuất khẩu rau quả sang tất cả các quốc gia trong EU. Các mặt hàng rau quả xuất sang EU gồm hơn 19 sản phẩm rau quả chế biến, trong đó chủ yếu là nước chanh, nước dứa, gừng xay, nước dứa... 16 mặt hàng trái cây tươi trong đó chanh, thanh long, xoài, dứa là những mặt hàng chủ đạo và hơn 30 mặt hàng rau củ tươi trong đó đặc biệt chú trọng đến mặt hàng rau gia vị.

Mặc dù tăng trưởng 12,2% trong 11 tháng năm 2017, nhưng xuất khẩu rau quả vào EU được đánh giá chưa tương xứng với tiềm năng, nhất là khi xuất khẩu của toàn ngành tăng rất cao, tăng tới 44,1%. Ngoài ra, xét về tỷ trọng, hiện nay EU mới chỉ chiếm 3% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam.

Được đánh giá là thị trường rộng lớn hứa hẹn nhiều tiềm năng cho rau quả Việt Nam, song vấn đề an toàn thực phẩm của thị trường EU đòi hỏi khá khắt khe.

Không giống như nhiều thị trường khó tính như Mỹ, Australasia, New Zealand..., tất cả các loại quả tươi của Việt Nam đều được nhập khẩu vào EU. Tuy nhiên, ngành rau quả Việt Nam cần chú ý đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm và dịch hại, kiểm dịch thực vật, phải nâng cao chất lượng các sản phẩm hơn nữa.

Do vậy, để đảm bảo ổn định, bền vững khi xuất khẩu vào thị trường này, doanh nghiệp phải đảm bảo tiêu chuẩn trồng rau trong nhà lưới, có truy xuất nguồn gốc, có chứng nhận quốc tế về kiểm định thực vật. Đặc biệt, EU khuyến cáo nên tuân thủ quy trình VietGAP để giảm thiểu nguy cơ rau củ, quả, trái cây nhiễm bệnh dịch hại.

Ngoài ra, ngày càng có nhiều người tiêu dùng EU thích các sản phẩm thực phẩm được sản xuất và chế biến bằng các phương pháp tự nhiên. Mặc dù trái cây và hoa quả hữu cơ có chi phí sản xuất cao hơn song các mặt hàng này cũng đồng thời được đánh giá rất cao tại thị trường EU. Đây là yếu tố mà các doanh nghiệp cần chú ý khai thác trong thời gian tới.

Cao su:

EU là một trong những thị trường tiềm năng của xuất khẩu cao su Việt Nam. Tuy nhiên, từ ngày 13/9/2017, việc xuất khẩu cao su sang thị trường này sẽ gặp nhiều khó khăn hơn, khi EU thông báo đưa cao su thiên nhiên vào danh sách “hàng hóa nguyên liệu thô đặc biệt quan trọng” và nhấn mạnh yếu tố “đảm bảo nguồn cung an toàn, bền vững và giá cả hợp lý”.

Động thái này của EU sẽ làm tăng cạnh tranh và thúc đẩy sản xuất khẩu cao su tự nhiên, ngoài các nước sản xuất truyền thống. Vì vậy, cao su Việt Nam khi xuất sang thị trường này sẽ phải cạnh tranh với những đối thủ lớn như Thái Lan (chiếm 32% tổng nguồn cung toàn cầu), Indonesia (26%), Ấn Độ (8%)...

Hiện tại, Việt Nam được EU xếp vào “tốp” 4 nước sản xuất cao su tự nhiên lớn nhất thế giới, với xấp xỉ 8% tổng nguồn cung. Song EU nhấn mạnh rằng Indonesia mới là nguồn cao su tự nhiên lớn nhất của châu Âu, chiếm 32%, theo sau là Malaysia (20%), Thái Lan (7%) và Bờ Biển Ngà (12%).

Cà phê:

Trong năm 2017, do sản lượng cà phê trong nước giảm do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu nên xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường EU cũng lại so với năm 2016. Tuy nhiên, EU vẫn là thị trường đứng đầu về tiêu thụ cà phê của Việt Nam trong 11 tháng qua với kim ngạch đạt 1,23 tỷ USD.

Trong năm 2018, xuất khẩu cà phê sang thị trường EU được kỳ vọng sẽ tăng trở lại do nhu cầu cao từ thị trường này. Theo Bộ Nông Nghiệp Mỹ (USDA), EU đang là thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất thế giới, trong niên vụ 2017/18 tiêu thụ cà phê của EU dự báo tăng lên mức 44,8 triệu bao so với mức 44,5 triệu bao trong niên vụ 2016/17. Trong khi đó, sản lượng cà phê của Việt Nam dự báo tăng từ 26,7 triệu bao của niên vụ 2016/17 lên mức 28,6 triệu bao trong niên vụ 2017/18. Đây được coi là cơ hội để phục hồi xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường EU.

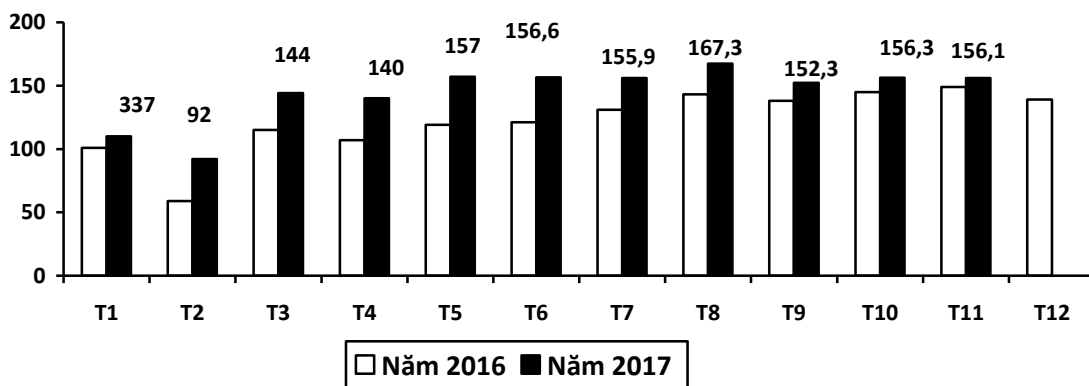
Xuất khẩu nông, thủy sản sang Nhật Bản thuận lợi

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng nông, thủy sản sang thị trường Nhật Bản 11 tháng năm 2017 đạt 1,58 tỷ USD, tăng 19,2% so với cùng kỳ năm trước. Tính riêng, tháng 11/2017 xuất khẩu sang thị trường này đạt 156,1 triệu USD, giảm nhẹ 0,2% so với tháng 10/2017 nhưng lại tăng 5,0% so với tháng 11/2016.

Nhật Bản là thị trường xuất khẩu chủ lực đối với nhiều doanh nghiệp nông thủy sản Việt Nam và xuất khẩu nhóm hàng này sang Nhật Bản tăng mạnh trong năm nay một phần là do tăng trưởng tích cực của nền kinh tế Nhật Bản. Trong tháng 11/2017, chỉ số niềm tin tiêu dùng của Nhật Bản tăng 0,4 điểm so với tháng 10/2017 lên 44,9 điểm, cao nhất kể từ tháng 9/2013, do thị trường việc làm ổn định. Dự báo, kinh tế Nhật Bản tăng trưởng 1,5% trong năm 2017, sau đó giảm xuống 1,2% trong năm 2018 và 1% trong năm 2019.

Kim ngạch xuất khẩu nông, thủy sản của Việt Nam tới Nhật Bản năm 2016-2017

(ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về chủng loại xuất khẩu:

Hiện các mặt hàng nông, thủy sản xuất khẩu của Việt Nam sang Nhật Bản trong 11 tháng năm nay gồm: Thủy sản, cao su, hàng rau quả, cà phê, hạt tiêu, hạt điều, sắn và các sản phẩm về sắn.

Trong đó, xuất khẩu hàng thủy sản là mặt hàng đạt giá trị xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản trong 11 tháng năm 2017, đạt 1,19 tỷ USD, tăng 20% so với cùng kỳ năm trước. Tính riêng, tháng 11/2017 xuất khẩu mặt hàng này đạt 122 triệu USD, giảm 0,9% so với tháng 10/2017 nhưng lại tăng 5,4% so với tháng 11/2016.

Các chủng loại thủy sản của Việt Nam xuất khẩu chủ yếu sang Nhật Bản trong 10 tháng năm nay gồm: Tôm, cá đông lạnh, mực, bạch tuộc, trứng cá... Tôm là chủng loại xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Nhật Bản trong 10 tháng năm 2017 chiếm tới 54% tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng thủy sản, đạt 578 triệu USD, tăng 23,5% so với cùng kỳ năm 2016. Tiếp đến, xuất khẩu cá đông lạnh đạt 246,1 triệu USD, tăng 16,3% so với cùng kỳ năm 2016. Xuất khẩu mực, bạch tuộc và trứng cá tăng từ 36 – 64,7% so với cùng kỳ năm 2016, đạt lần lượt 68,5 triệu USD; 53,6 triệu USD; 30 triệu USD.

Nhật Bản là quốc gia nhập khẩu thủy sản lớn thứ hai trên thế giới sau Mỹ và cũng là quốc gia có mức tiêu thụ thủy sản bình quân đầu người cao nhất thế giới (67kg/người/năm) bởi người Nhật Bản rất coi trọng nguồn cung cấp protein từ tôm cá. Nguồn cung của Nhật Bản khá đa dạng với các sản phẩm thủy sản nhập khẩu từ 123 quốc gia khác nhau.

Với quy mô dân số khoảng 127 triệu người, Nhật Bản là thị trường trọng yếu đối với các sản phẩm thủy, hải sản. Nhật Bản vẫn là thị trường nhập khẩu chính nhiều sản phẩm thủy sản, giáp xác như cá hồi, sò điệp và tôm hùm. Đặc biệt, các sản phẩm tiện lợi, chế biến sẵn có triển vọng tiêu thụ tốt tại thị trường này. Hiện nay, các chiến dịch tuyên truyền hướng đến sức khỏe người tiêu dùng có thể khiến người tiêu dùng gia tăng mối quan tâm trở lại đối với các sản phẩm thủy sản, cũng như sẽ góp phần thay đổi cách thức cá và các loại thủy sản được bán và đóng gói.

Các kênh phân phối vào thị trường Nhật Bản: Nhìn chung hệ thống phân phối thủy sản ở Nhật Bản khá phức tạp và gồm nhiều khâu trung gian. Trong phần lớn các trường hợp, cá và hải sản các loại được phân phối thành 6 giai đoạn trước khi đến với người tiêu dùng. Tuy nhiên một số nhà bán lẻ lớn giảm chi phí bằng cách mua trực tiếp từ người sản xuất.

Chợ đầu mối: Ở Nhật có khoảng 900 chợ đầu mối cung cấp hải sản, tại đây hải sản được phân loại để chế biến, chăn nuôi hoặc là thực phẩm tươi sống tùy vào chất lượng và kích cỡ của từng loại. Giá cá tại các chợ đầu mối dựa vào mục đích sử dụng của từng loại, đối với các loại cá dùng cho chế biến, giá thường chỉ bằng 50% so với giá cá tươi sống, với các loại cá dùng để chăn nuôi thì giá chỉ bằng 10% so với giá cá tươi sống.

Các công ty nhập khẩu/ thương mại: Là các công ty thu mua cá và các sản phẩm thủy sản từ thị trường nước ngoài, sau đó bán lại ở Nhật. Một trong những công ty nhập khẩu thủy sản lớn của Nhật là Nichirei's, các sản phẩm thủy sản được công ty này thu mua từ khắp nơi trên thế giới, chủ yếu là các mặt hàng tôm hồng, tôm sú và cá hồi Nauy. Hiện nay công ty này có 11 chi nhánh và mạng lưới gồm 56 trung tâm dịch vụ hậu cần tại Nhật Bản.

Trung tâm thương mại bán buôn được tại địa phương được thành lập bởi Chính phủ Nhật Bản, bán các sản phẩm dễ bị hỏng như cá và hải sản tươi sống. Giá được xác định thông qua các cuộc đàm phán trực tiếp hoặc đấu giá công khai. Việc mua bán các sản phẩm thủy sản được thực hiện thông qua các nhà bán buôn tại các chợ hoặc qua các đầu mối trung gian và người ủy quyền.

Thị trường bán buôn trung gian ở Nhật có quan hệ mật thiết với các nhà bán lẻ. Thị trường bán buôn trung gian tại Nhật đã được hình thành từ những năm 90 do sự thống trị ngày càng mạnh mẽ của các nhà bán lẻ lớn và xu hướng giảm chi phí bằng cách giảm tối đa các đầu mối trung gian.

Hệ thống bán lẻ ở Nhật rất đa dạng bao gồm siêu thị, dịch vụ giao nhận tại nhà và các cửa hàng thủy sản. Theo một cuộc khảo sát của Hiệp hội Thủy sản Nhật Bản, phi lê cá là mặt hàng phổ biến nhất được bán tại hệ thống bán lẻ ở Nhật Bản.

Mặt hàng cà phê: Cà phê là mặt hàng xuất khẩu sang Nhật Bản đứng vị trí thứ hai sau thủy sản. 11 tháng năm 2017, xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản đạt 196,4 triệu USD, tăng 7,0% so với cùng kỳ năm trước. Tính riêng, tháng 11/2017 xuất khẩu mặt hàng này đạt 16,5 triệu USD, tăng 7,6% so với tháng 10/2017 và tăng 2,2% so với tháng 11/2016.

Các chủng loại cà phê xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản gồm: cà phê Robusta, cà phê hòa tan, cà phê Arabica, cà phê Excelsa. Trong đó, cà phê Robusta là chủng loại xuất khẩu lớn nhất trong 10 tháng năm nay chiếm tới 84,1% tổng kim ngạch cà phê xuất khẩu sang thị trường này, đạt 148,7 triệu USD, tăng 4,3% so với cùng kỳ năm 2016. Tiếp đến, xuất khẩu cà phê hòa tan đạt gần 17,2 triệu USD, tăng 12,4%; xuất khẩu cà phê Arabica đạt 10,9 triệu USD, tăng 39,1% so với cùng kỳ năm trước.

Giá xuất khẩu trung bình cà phê sang Nhật Bản 11 tháng năm nay tăng 23,2% so với cùng kỳ năm trước, đạt 2.360 USD/tấn.

Dự báo và triển vọng xuất khẩu cà phê sang Nhật Bản:

Hiện Nhật Bản đang là nhà tiêu thụ cà phê lớn thứ 3 thế giới và theo thống kê của Intracent, kim ngạch nhập khẩu cà phê của Nhật Bản trong 10 tháng năm 2017 đạt 1,242 tỷ USD, tăng 3,0% so với cùng kỳ năm 2016. Trong đó, Việt Nam đứng thứ 2 về cung cấp cà phê cho Nhật Bản với kim ngạch tăng 11,4% so với cùng kỳ năm trước, đạt 172,1 triệu USD.

10 tháng năm 2017, thị phần nhập khẩu cà phê của Nhật Bản từ Việt Nam đã tăng lên 13,9% so với mức 12,8% của 10 tháng năm 2016. Trong khi đó, thị phần nhập khẩu cà phê của Nhật Bản từ một số nước lớn giảm như: từ Braxin, Guatemala, Mỹ, El Salvador ...

Đáng chú ý, xuất khẩu cà phê của Braxin giảm và hoạt động thu hoạch tại Colombia trễ hơn thường lệ. Xuất khẩu cà phê của Braxin – nước xuất khẩu cà phê lớn nhất thế giới hiện nay, đã liên tục giảm trong những tháng gần đây do nguồn cung giảm.

Trong khi đó, sản lượng cà phê năm 2017 của Việt Nam được USDA dự báo rất tích cực. Niên vụ 2017/18 sản lượng cà phê Việt Nam sẽ tăng 1,9 triệu bao lên 28,6 triệu bao. Đây là tín hiệu tốt để các doanh nghiệp Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu vào thị trường Nhật Bản.

Dự báo, xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Nhật Bản năm 2017 ước đạt 219,5 triệu USD, tăng 10% so với cùng kỳ năm 2016.

Mặt hàng rau quả: Hàng rau quả là mặt hàng xuất khẩu sang Nhật Bản đứng vị trí tiếp theo với mức tăng trưởng mạnh trong 11 tháng năm 2017 đạt 116,7 triệu USD, tăng 70,6% so với cùng kỳ năm trước. Tính riêng, tháng 11/2017 xuất khẩu mặt hàng này đạt 12,4 triệu USD, tăng 13% so với tháng 10/2017 và tăng 77,6% so với tháng 11/2016.

Xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản tăng trên 70%. Đây là thị trường tiềm năng song Nhật Bản hiện chỉ mới cho phép nhập khẩu một số loại quả tươi có hạt của Việt Nam là chuối, xoài và thanh long (ruột trắng, ruột đỏ) được nhập khẩu vào nước này do đã đáp ứng được các yêu cầu trong Luật Kiểm dịch thực vật của Nhật Bản.

Trên thực tế, Nhật Bản là một trong những nước đang áp dụng hệ thống tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm có yêu cầu rất cao. Các tiêu chuẩn của Nhật Bản hầu như tương đương, thậm chí cao hơn cả những tiêu chuẩn quốc tế thông thường. Đáng chú ý, các tiêu chuẩn chất lượng này được áp dụng phù hợp với nguyên tắc của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), tức là không mang tính phân biệt đối xử giữa hàng hóa trong nước và nhập khẩu.

Vì vậy, để xuất khẩu vào thị trường này các doanh nghiệp cần: Đối với các mặt hàng rau quả đông lạnh, việc nhập khẩu chỉ cần có chứng nhận vệ sinh kiểm dịch của cơ quan có thẩm quyền phía Việt Nam và chịu sự kiểm tra lấy mẫu ngẫu nhiên của cơ quan kiểm dịch và vệ sinh an toàn thực phẩm của Nhật Bản.

Để khuyến khích thương mại, Chính phủ Nhật Bản thường hợp tác với các đối tác, trong đó có Việt Nam nhằm nâng cao năng lực đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng của hàng hóa xuất khẩu với các yêu cầu của Nhật Bản.

Nhật Bản vẫn được đánh giá là nước có yêu cầu khắt khe về tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm. Vì thế, muốn nắm bắt được cơ hội này thì việc đáp ứng “tiêu chuẩn cao” là điều kiện tiên quyết.

Các mặt hàng nông sản xuất khẩu sang Nhật Bản 11 tháng và tháng 11 năm 2017

(ĐVT: nghìn USD)

Tên hàng	11 tháng năm 2017	So 11 tháng năm 2016 (%)	Tháng 11 năm 2017	So tháng 10 năm 2017 (%)	So tháng 11 năm 2016 (%)
Hàng thủy sản	1.190.406	20,0	122.035	-0,9	5,4
Cà phê	196.371	7,0	16.534	7,6	2,2
Hàng rau quả	116.707	70,6	12.381	13,0	77,6
Hạt điều	25.184	4,0	1.675	-38,2	-13,9
Cao su	21.285	39,5	2.181	4,8	26,5
Hạt tiêu	18.156	-31,0	1.173	-41,4	-9,6
Sản và các sản phẩm từ sản	12.062	-22,8	107	128,0	-98,7

Nguồn: Tổng cục Hải quan

THỊ TRƯỜNG SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP

Dự báo: Xuất khẩu hàng nông, thủy sản sang thị trường Nhật Bản trong thời gian tới tiếp tục tăng do nhu cầu cao; Nhật Bản là nước tiêu thụ thủy sản hàng đầu thế giới; Đồng JPY tăng giá so với USD và các ngoại tệ khác, cùng với đó kinh tế Nhật Bản tăng trưởng khả quan tác động đến chi tiêu tiêu dùng tăng.

- Những thuận lợi xuất khẩu hàng nông, thủy sản sang thị trường Nhật Bản hiện nay:

Nhật Bản nổi tiếng thế giới với truyền thống tiêu thụ cá và các sản phẩm thủy sản. Các sản phẩm từ thủy sản của Nhật Bản như sushi, sashimi, tempura đã trở nên phổ biến trên thị trường toàn cầu do sự bổ dưỡng cho sức khỏe, ít chất béo, hàm lượng calo thấp. Người tiêu dùng Nhật Bản đang chuyển sang tiêu thụ thủy sản có giá rẻ hơn, nhưng vẫn rất chú trọng các yếu tố như chất lượng cao, độ tươi, có lợi cho sức khỏe và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Đặc điểm nổi bật của người tiêu dùng Nhật Bản là họ coi trọng các tiêu chuẩn của Nhật Bản hơn các tiêu chuẩn quốc tế, chẳng hạn “Tiêu chuẩn nông sản Nhật Bản” (JAS - Japan Agricultural Standards) hoặc “Tiêu chuẩn công nghiệp Nhật Bản” (JIS - Japan Industrial Standards).

Các doanh nghiệp phần đầu từ nay đến năm 2020 đa dạng hóa và phát triển các loại rau, củ quả mới sang Nhật Bản, nhất là các loại rau quả nhiệt đới (chuối, dưa, bơ...), các loại quả có múi (bưởi, cam, chanh), kể cả các loại hoa, cây cảnh, các loại rau, gia vị như hành, bí đỏ, gừng, cà rốt, hạt tiêu, các loại quả đông lạnh, chế biến sẵn theo công nghệ Nhật và đáp ứng các tiêu chuẩn của Nhật về vệ sinh, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường... Có như vậy mới có thể có sự đột phá về kim ngạch xuất khẩu rau quả sang thị trường này.

Tận dụng hiệu quả các Hiệp định thương mại trong đó có Hiệp định Đối tác kinh tế Việt - Nhật (VJEPA) sẽ có trên 800 dòng sản phẩm nông sản và thủy sản Việt Nam vào Nhật với thuế suất 0%.

- Thách thức và khó khăn:

Xuất khẩu hàng nông, thủy sản vào Nhật Bản phải đảm bảo yêu cầu khắt khe về tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm. Nhật Bản duy trì chế độ kiểm soát thủy sản dựa theo việc kiểm tra lô hàng nhập khẩu theo tỷ lệ nhất định.

Các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu thủy sản Việt Nam đã rất nỗ lực trong vấn đề kiểm soát chất lượng, song vẫn có một số lô hàng thủy sản bị cảnh báo về nhiễm kháng sinh, hóa chất vượt mức cho phép theo quy định của Nhật Bản. Vì vậy, các doanh nghiệp cần chú ý nhận diện và kiểm soát đầy đủ các mối nguy cơ hóa chất, kháng sinh, đặc biệt là kháng sinh cấm đối với sản phẩm tôm, cá bò, mực xuất khẩu vào Nhật Bản. Doanh nghiệp cũng nên tìm hiểu kỹ các quy định, nhất là quy định về hóa chất kháng sinh, chế độ kiểm tra tại cửa khẩu của Nhật Bản.

- Danh sách doanh nghiệp xuất khẩu theo mặt hàng.

Doanh nghiệp xuất khẩu hàng thủy sản đạt kim ngạch lớn sang Nhật Bản 10 tháng năm 2017 (ĐVT: nghìn USD)

Doanh nghiệp	Trị giá
Cty CP Thủy Sản Minh Phú Hậu Giang	72.863
Cty CP Tập Đoàn Thủy Sản Minh Phú	60.060
Cty CP Thực Phẩm xuất khẩu Trung Sơn Hưng Yên	39.698
Cty CP Thực Phẩm Sao Ta	38.887
Cty CP Thực Phẩm Trung Sơn	36.393
Cty CP Hải Việt	36.359
Cty TNHH Chế Biến & xuất khẩu Thủy Sản Cam Ranh	27.088
Cty CP XNK Thủy Sản Miền Trung	26.714

Doanh nghiệp	Trị giá
Cty CP Thủy Sản Cổ Chiên	25.649
Cty TNHH Kinh Doanh Chế Biến Thủy Sản Và XNK Quốc Việt	23.694
Cty CP Thủy Sản Sạch Việt Nam	22.182
Cty TNHH hải sản Thanh Thế	20.433
Cty CP Sài Gòn FOOD	18.558
Cty TNHH Thủy Sản Đông Hải	17.078
Cty TNHH thực phẩm xuất khẩu Nam Hải	16.645
Cty TNHH Hải Nam	16.642
Cty TNHH Huy Nam	14.059
Cty CP Thủy sản và Thương Mại Thuận Phước	13.838
Cty CP Chăn Nuôi C.P. Việt Nam - CN Đông Lạnh Thừa Thiên Huế	13.725
Cty CP Chế Biến Thủy Sản Tài Kim Anh	13.347
Cty CP Thực Phẩm Cát Hải	13.277
Cty TNHH Thực Phẩm xuất khẩu Hai Thanh	12.363
Cty TNHH Thực Phẩm Amanda (Việt Nam).	12.251

(Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ dùng để tham khảo)

Doanh nghiệp xuất khẩu cà phê đạt kim ngạch lớn sang Nhật Bản 10 tháng năm 2017 (ĐVT: nghìn USD)

Tên doanh nghiệp	Kim ngạch
Cty TNHH 1TV XNK 2-9 ĐẮK LẮK	34.655
Cty CP Intimex Mỹ Phước	28.301
Cty Cổ Phần Intimex ĐẮK NÔNG	15.929
Cty TNHH Cà Phê Outspan VN	15.147
Cty CP XNK Cà Phê Intimex Nha Trang	14.330
Cty TNHH Thương Phẩm ATLANTIC VN	12.957
Cty TNHH Dakman VN	10.992
Chi Nhánh Cty TNHH Cà Phê Vĩnh An Tại Đồng Nai	8.631
Cty TNHH Sản Xuất Và Thương Mại Cát Quế	5.609
Cty TNHH OLAM VN	4.614
Cty TNHH Cà Phê Hà Lan VN	2.917
CN Cty CP Tập Đoàn Intimex Tại Buôn Ma Thuột	2.511
Cty CP Tập Đoàn INTIMEX	2.232
Cty TNHH INSTANTA VN	2.197
Cty TNHH TOUTON VN	1.968
Cty TNHH 1TV Cà Phê Thăng Lợi	1.935
Cty TNHH VOLCAFE VN	1.745
Cty TNHH Sản Xuất Thương Mại Phúc Long	1.564
Cty TNHH NEUMANN GRUPPE VN	1.487

(Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ dùng để tham khảo)

THÔNG TIN XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI

Phú Yên: Xây dựng thương hiệu nông sản sạch

UBND tỉnh Phú Yên vừa ban hành Kế hoạch xây dựng phát triển 09 HTX tiên tiến, kiểu mẫu đi vào chiều sâu theo hướng khép kín từ sản xuất, dịch vụ đến tiêu thụ nông sản sạch. Theo đó, trong giai đoạn 1 (2017 - 2018), sẽ khảo sát, đánh giá thực trạng mô hình tổ chức, hoạt động thực tế tại 09 HTX trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Tập trung xây dựng phát triển 09 HTX nông nghiệp thành HTX tiên tiến, kiểu mẫu hoạt động hiệu quả gắn với xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm sạch trong nông nghiệp.

Trong giai đoạn này, tỉnh sẽ hỗ trợ các nội dung gồm: hướng dẫn lập phương án và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm; đào tạo nghề cho thành viên và người lao động trong HTX; hỗ trợ cơ sở sản xuất, vật tư, trang thiết bị, công nghệ sản xuất cho HTX; hỗ trợ về cơ chế, chính sách, vốn, nguồn lực để phát triển sản xuất kinh doanh, mở rộng liên doanh liên kết; hướng dẫn quy trình sản xuất theo hướng nông sản sạch; tổ chức thăm quan, học tập kinh nghiệm; nâng cao công tác quản lý; hỗ trợ thị trường; tổng kết, đánh giá, nhân rộng mô hình.

Giai đoạn 2 (2019 - 2020), tuyên truyền về lợi ích của mô hình HTX kiểu mới gắn với chuỗi giá trị sản phẩm hàng hóa nâng cao thu nhập cho kinh tế hộ thành viên. Đào tạo nghề cho thành viên và người lao động trong HTX; bồi dưỡng kiến thức quản lý HTX cho cán bộ HTX hoạt động đảm bảo đúng nguyên tắc, bản chất HTX, đem lại hiệu quả kinh tế cho HTX và thành viên. Xây dựng từng chuỗi giá trị phù hợp với điều kiện thực tế từng địa phương.

09 HTX ngành nông nghiệp dự kiến xây dựng điểm mô hình HTX kiểu mới đó là: HTX DV NNTH Hòa Thành Tây (huyện Đông Hòa); HTX NN KDDV Hòa Phong (huyện Tây Hòa); HTX DVNN Bình Kiến 2 (TP. Tuy Hòa); HTX DVNN Hòa Định Tây (huyện Phú Hòa); HTX Nông nghiệp An Ninh Tây (huyện Tuy An); HTX Nông nghiệp Xuân Sơn Nam (huyện Đồng Xuân); HTX Nông nghiệp Xuân Thọ 2 (Thị xã Sông Cầu); HTX Dịch vụ tổng hợp Ngân Điền (huyện Sơn Hòa); HTX Dịch vụ Nông nghiệp Đức Bình Đông (huyện Sông Hinh).

Đến nay, 5 sản phẩm nông sản nổi tiếng gắn với thương hiệu của các HTX, tổ hợp tác là dưa hấu phượng 5, rau Bình Ngọc, bánh tráng Hòa Đa, dầu tầm Hòa Phong, chim cút Hòa Hiệp Bắc. Các sản phẩm này có mặt trên thị trường nhờ được khách hàng tin dùng về chất lượng chứ chưa được đầu tư xây dựng thương hiệu bài bản, như cá ngừ đại dương Phú Yên cũng đã được xây dựng thương hiệu từ lâu.

Theo Liên minh HTX tỉnh, mặc dù chất lượng của các sản phẩm này đã được người tiêu dùng khẳng định nhưng đến nay vẫn vắng bóng trong các siêu thị, các trung tâm thương mại, nhà hàng cao cấp hay xuất khẩu. Nguyên nhân do các sản phẩm này đều chưa được cấp nhãn hiệu, mã vạch hàng hóa độc quyền. Trong 5 sản phẩm trên chỉ có bánh tráng Hòa Đa được cấp nhãn hiệu độc quyền, nhưng chưa có mã vạch hàng hóa nên việc hòa nhập thị trường lớn cũng gặp khó khăn.

Cá ngừ Phú Yên:

Đại diện ngư dân và các thành viên hiệp hội cá ngừ Phú Yên thống nhất thông qua quy trình kỹ thuật sơ chế, bảo quản cá ngừ đại dương trên tàu khai thác; qui chế kiểm soát chất lượng “PHU YEN TUNA” mang nhãn hiệu tập thể.

Năm 2011, Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ KH&CN) cấp chứng nhận đăng ký nhãn hiệu tập thể cá ngừ đại dương Phú Yên cho Hiệp hội Cá ngừ đại dương của tỉnh Phú Yên.

Đây là nhãn hiệu cá ngừ đại dương đầu tiên ở Việt Nam được cấp nhãn hiệu tập thể. Việc xây dựng nhãn hiệu tập thể đã được xúc tiến hơn hai năm qua kể từ khi Phú Yên thành lập Hiệp hội cá ngừ đại dương vào năm 2009 nhưng vừa được hoàn thiện trong thời gian gần đây và chính thức được cấp giấy chứng nhận của Cục Sở hữu trí tuệ.

Việc cấp chứng nhận nhãn hiệu tập thể cá ngừ Phú Yên có ý nghĩa rất quan trọng, góp phần giữ được thương hiệu sản phẩm cá ngừ Phú Yên trên thị trường, tránh tình trạng bị đánh cắp thương hiệu như đã từng xảy ra ở một số sản phẩm nông thủy sản của Việt Nam, đồng thời góp phần đẩy mạnh xuất khẩu mặt hàng này tới các thị trường Mỹ, Nhật Bản, Liên minh châu Âu....

Rau an toàn Bình Ngọc

Từ năm 2011, UBND tỉnh Phú Yên đã công bố quy hoạch các vùng sản xuất rau an toàn tập trung với mục tiêu đến năm 2020 đạt diện tích canh tác lên 880 ha với sản lượng hơn 84.000 tấn nhằm đáp ứng 68% nhu cầu rau an toàn cho người tiêu dùng. Trong quy hoạch, UBND tỉnh Phú Yên ưu tiên đầu tư cho 5 dự án sản xuất rau an toàn tại các xã An Phú, Hòa Kiến thuộc thành phố Tuy Hòa, xã Xuân Bình thị xã Sông Cầu; xã An Dân, huyện Tuy An và dự án sản xuất rau an toàn tại xã Hòa Quang Bắc thuộc huyện Phú Hòa.

Vùng rau xã Bình Ngọc thuộc thành phố Tuy Hòa là vùng rau lớn nhất tỉnh Phú Yên, với diện tích trồng tập trung gần 40 ha. Những năm gần đây, người dân tập trung sản xuất theo phương pháp trồng rau an toàn. Mô hình câu lạc bộ (CLB) Sản xuất rau an toàn năng suất cao của phụ nữ thôn Ngọc Phước 2 ra đời đã góp phần không nhỏ trong việc chung tay xây dựng uy tín và thương hiệu rau an toàn Bình Ngọc. Đến nay, CLB có 30 thành viên tham gia với diện tích sản xuất 22.800m². Hộ có diện tích đất sản xuất ít nhất là 500m² và hộ nhiều nhất là 2.000m².

Từ năm 2011, tỉnh Phú Yên đã xây dựng tại đây một vùng rau an toàn được sản xuất theo hướng VietGAP với diện tích 1,3 ha và đã được Trung tâm chất lượng nông lâm thủy sản vùng 3 (Cục quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) cấp giấy chứng nhận VietGAP về sản phẩm rau ăn lá.

Những nông dân tham gia mô hình sản xuất VietGAP được tập huấn rất kỹ lưỡng nên đã nhanh chóng nắm bắt quy trình sản xuất với sản lượng hàng năm trên dưới 110 tấn. Tuy nhiên, khi đưa ra thị trường các loại rau hầu như khó tiêu thụ.

Dưa hấu phường 5:

Dưa hấu phường 5 đã có mặt trên thị trường từ 13 năm nay và được tiêu thụ chủ yếu tại TP Tuy Hòa. Sự kết hợp giữa chất đất phèn với kỹ thuật trồng là yếu tố quyết định đến chất lượng dưa hấu ở đây. Sau khi làm luống, đất được phủ bạt, đục lỗ rồi mới gieo giống dưa. Điều này giúp cây dưa hạn chế được sâu bệnh. Khi dưa ra trái, người trồng cắt tỉa ngọn, bỏ bớt trái non, đảm bảo mỗi dây một trái để cây tập trung chất dinh dưỡng nuôi trái, giúp trái ngọt nước và ngon hơn các loại dưa hấu khác...

Dưa hấu phường 5 có một số đặc điểm giúp phân biệt với các loại dưa khác đang bày bán trên thị trường là cuống dưa nhỏ, vỏ cứng. Người tiêu dùng nên chọn mua dưa vào thời điểm nông dân phường 5 thu hoạch.

Tuyên Quang phát triển cá lồng đặc sản VietGAP

Nhờ phát huy tốt tiềm năng, lợi thế, hơn 10 năm qua, giá trị sản xuất của ngành thủy sản tỉnh Tuyên Quang liên tục tăng bình quân trên 20%/năm. Đặc biệt, 5 loài cá đặc sản quý hiếm (ngũ quý xứ Tuyên) được nuôi bằng lồng trên sông Lô, sông Gâm theo quy trình VietGAP đã chinh phục khách hàng khắp nơi.

Tháng 5/2016, tỉnh Tuyên Quang có 2 đơn vị là Công ty TNHH Lâm sản và Dịch vụ Long Giang và Trang trại Trương Thị Hoài Linh vinh dự nằm trong “tốp” 69 đơn vị dẫn đầu được Bộ NN&PTNT công bố, công nhận “Địa chỉ xanh cung cấp thực phẩm sạch”. Đây cũng là hai đơn vị nuôi trồng thủy sản nước ngọt tiên phong đầu tư tại Tuyên Quang. Các loại đặc sản gồm cá lăng, chiên, bống, dầm xanh và anh vũ.

Nhờ làm tốt quy trình, sau khi được Bộ NN&PTNT công nhận là “địa chỉ xanh cung cấp thực phẩm sạch” trên toàn quốc, tháng 3/2017, công ty đã được Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ) công nhận cơ sở nuôi trồng thủy sản đạt tiêu chuẩn VietGAP. Sản lượng cá sản xuất ra không đủ cung cấp cho các đơn đặt hàng khắp nơi. Công ty đã lập kế hoạch tiếp tục mở rộng sản xuất, ngoài cung cấp thực phẩm tươi, sẽ mở thêm dịch vụ chế biến sẵn để tiêu thụ sản phẩm ở các chuỗi nhà hàng, siêu thị thực phẩm an toàn...

TP.HCM: 69 cơ sở được cấp giấy chứng nhận chuỗi ATTP

Thực hiện Đề án xây dựng mô hình thí điểm quản lý thực phẩm theo chuỗi thực phẩm an toàn trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh, Ban An toàn thực phẩm (ATTP) đã thẩm định và cấp 144 giấy chứng nhận cho 69 cơ sở với sản lượng 83.098,4 tấn/năm.

Riêng công tác giám sát chất lượng, truy xuất nguồn gốc thực phẩm, đánh giá mức độ ATTP của sản phẩm được sản xuất kinh doanh trên địa bàn, Ban ATTP đã tổ chức lấy 2.904 mẫu thực phẩm (nông sản tươi sống, thực phẩm đã qua chế biến, bao gói sẵn, dùng liền, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, nước uống đóng chai, đóng bình) tại các chợ đầu mối, chợ truyền thống, chợ phiên, kênh phân phối hiện đại, cơ sở SXKD thực phẩm.

Ban ATTP cũng đã phối hợp với các cơ quan giám sát chất lượng nông sản, thực phẩm; đã tiến hành lấy 611 mẫu giám sát, kết quả phân tích phát hiện: 12 mẫu không đạt (chiếm tỷ lệ 3,31%), trong đó 8 mẫu phát hiện tồn dư thuốc bảo vệ thực vật và 4 mẫu không đạt các yêu cầu về chỉ tiêu vi sinh. Đặc biệt, từ 22/7 - 29/10/2017, trong 540 mẫu rau, quả các loại tham gia chợ phiên nông sản an toàn, phát hiện có 5/540 mẫu (tỷ lệ 0,93%) vượt mức giới hạn cho phép về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật.

Xoài Việt Nam chính thức được vào thị trường Mỹ

Theo trường đại diện Thương vụ tại Mỹ, Bộ Nông nghiệp Mỹ đã chính thức cho phép nhập khẩu trái xoài tươi từ Việt Nam vào Mỹ.

Cơ quan Kiểm dịch sức khỏe động thực vật thuộc Bộ Nông nghiệp Mỹ công bố giấy phép có hiệu lực bắt đầu từ ngày 29/12/2017 cho trái xoài tươi của Việt Nam được nhập khẩu vào thị trường Mỹ.

Xoài tươi từ Việt Nam sẽ vào thị trường Mỹ với điều kiện phải được kiểm soát một cách có hệ thống bao gồm tuân thủ các điều kiện về nhà vườn và cơ sở đóng gói, xử lý chiếu xạ, và kiểm dịch tại cửa khẩu nhập.

Trái xoài Việt Nam cũng phải được nhập khẩu thông qua hình thức các lô hàng thương mại và kèm theo giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do một cơ quan kiểm dịch quốc gia của Việt Nam cấp với điều kiện kèm theo khăng định lô hàng đã được kiểm dịch và không có chủng nấm *Macrophoma*, bọ cánh cứng và xoài không bị đốm đen, bọ bạc lá.

Đây là một trong những kết quả của cam kết tiếp tục mở cửa thị trường cho hàng hoá giữa Việt Nam và Mỹ được lãnh đạo hai nước khẳng định trong chuyến thăm Việt Nam vừa qua của Tổng thống Mỹ Donald Trump và được nêu trong Tuyên bố chung giữa hai nước.

Xuất nhập khẩu nông sản qua Cửa khẩu Móng Cái - Đông Hưng có nhiều lợi thế lớn

Hội chợ Thương mại du lịch quốc tế Việt - Trung (Móng Cái - Đông Hưng) năm 2017 vừa diễn ra tại Móng Cái có một số nét mới, đặc biệt có sự hiện diện của các gian hàng trái cây, nông sản các tỉnh miền Nam, một số tỉnh phía Bắc và Thái Lan.

Diễn đàn Thúc đẩy xuất nhập khẩu (XNK) hoa, quả, nông sản, qua cặp cửa khẩu Móng Cái - Đông Hưng diễn ra đầu tháng 12/2017 có sự tham gia của 80 doanh nghiệp (DN) chuyên kinh doanh hoa, quả, nông sản đến từ Trung Quốc, 50 DN, hợp tác xã chuyên kinh doanh về hoa, quả, nông sản của các tỉnh, khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, miền Trung, Nam Trung bộ và Tây Bắc.

Móng Cái - Đông Hưng là cặp cửa khẩu có nhiều lợi thế vượt trội so với các cặp cửa khẩu khác trên tuyến biên giới Việt - Trung về XNK hàng hóa. Cầu phao tạm km3+4 Thành Đạt được khánh thành và thông xe tạm thời vào ngày 1/12 vừa qua đã tạo thuận lợi hơn nữa cho giao thương hai nước. Phó Chủ tịch thường trực UBND TP. Móng Cái Nguyễn Tiến Dũng cho biết: Theo tính toán của Trung tâm Giao dịch hàng nông sản XNK Thập Bát Phương (Đông Hưng), khi hoạt động giao thương được qua cầu phao, dự kiến, mỗi ngày có ít nhất từ 200 - 400 container hoa, quả, nông sản, thủy sản XNK qua cầu phao và con số này sẽ được tăng lên hàng năm.

Các lợi thế của cặp cửa khẩu Móng Cái - Đông Hưng có thể kể đến: Thứ nhất, có mạng lưới giao thông kết nối vùng, liên vùng thuận tiện cho vận chuyển hàng hóa, gồm đường bộ, đường thủy, đường hàng không (sân bay Vân Đồn sẽ hoạt động vào đầu năm 2018). Thứ hai, có hệ thống dịch vụ logistics đáp ứng tốt nhu cầu bốc xếp, vận chuyển, lưu giữ hàng hóa với 17 kho ngoại quan, 35 kho hàng hóa, trong đó có 13 kho lạnh. Hệ thống kho, bến, bãi bốc xếp hàng hóa trên địa bàn với tổng diện tích trên 115.000m², đáp ứng tốt nhu cầu trung chuyển và phục vụ hàng hóa XNK của các DN trong và ngoài nước. Thứ ba, Cảng ICD Thành Đạt gắn với địa điểm xuất hàng km3+4 Thành Đạt, lối mở Pò Hèn - Thán Sản là nơi kiểm tra hàng xuất khẩu có diện tích 100ha, sẽ là nơi XNK mặt hàng hoa, quả, nông sản và hải sản tiện lợi...

Gạo Việt Nam lọt “top” 2 loại gạo ngon nhất thế giới

Tại Hội nghị quốc tế về thương mại gạo lần thứ 9 năm 2017 vừa được tổ chức tại Ma Cao (Trung Quốc), giống gạo ST24 của Việt Nam đã lọt Top đầu, xếp thứ 2 trong 3 loại gạo ngon nhất thế giới. Điều này cho thấy, doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu đã có sự chuyển biến, chủ động sản xuất các loại gạo chất lượng cao.

Đáp ứng nhu cầu của thị trường, năm nay, nhiều doanh nghiệp đã quan tâm hơn đến sản xuất các giống gạo chất lượng cao, gạo đặc sản. Các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã tăng tỷ lệ canh tác giống lúa thơm Jasmine 85, Tài nguyên, Nàng hoa 9, VD 20, OM 4900... DN cũng tăng cường sử dụng những giống lúa mới nhất, nâng cao chất lượng gạo xuất khẩu. Kết quả, giống lúa ST24 ngắn ngày, có năng suất trên 5 tấn/ha và mùi thơm hương dứa được đưa vào sản xuất thành công, giúp gạo Việt Nam xếp vào “Top” 3 loại gạo ngon nhất thế giới.

Xuất khẩu gạo của Việt Nam đang có nhiều cơ hội tăng xuất khẩu, đặc biệt ở thị trường Trung Quốc, khi gạo trắng 5% tấm của Việt Nam hiện rẻ hơn gạo nội địa của nước này. Trung Quốc đang tiến tới chính sách giao thương theo đường chính ngạch, ngoài 23 doanh nghiệp đã được kiểm tra và cho phép xuất khẩu, Trung Quốc đang kiểm tra, đánh giá để cấp phép thêm cho 9 doanh nghiệp xuất khẩu gạo của Việt Nam. Các thị trường khác như Sri Lanka, Philippin... cũng tổ chức các cuộc đấu thầu nhập khẩu gạo trong những tháng cuối năm. Thị trường châu Phi, Iraq... cũng đang có nhu cầu lớn về gạo, mở ra cơ hội tăng trưởng mạnh mẽ hàng này.

Hỗ trợ cho hạt gạo xuất khẩu, Bộ Công Thương đang tích cực triển khai Chiến lược Phát triển thị trường xuất khẩu gạo theo hướng giảm lượng, tăng giá trị. Các địa phương cũng tổ chức lại sản xuất theo hướng chứng nhận GAP, kiểm soát chặt chẽ quy trình sản xuất để có sản phẩm đạt vệ sinh, an toàn thực phẩm và tiêu chí, tiêu chuẩn của nước nhập khẩu... với kỳ vọng hạt gạo Việt Nam sẽ định vị được thương hiệu mạnh hơn trên thị trường.

Giao thương:**+ Doanh nghiệp Hàn Quốc quan tâm nhập khẩu nông sản Việt Nam**

Tên công ty: P&S Global

Địa chỉ: 14F, 92-4 Chungdam-dong, Gangnam-gu, Seoul, Korea

Người liên hệ: Ms. Kim Hyeji

Fax: 010-222-3232

Email: kenzo105@hotmail.com

+ Hội chợ triển lãm tại Thổ Nhĩ Kỳ năm 2018**Danh sách Hội chợ, triển lãm tại Thổ Nhĩ Kỳ năm 2018**

Ngày	Tên hội chợ	Chuyên ngành	Nơi tổ chức	WEB	E-MAIL
11-14/01	1. Turkish-Arab Economy Summit& Specilized Intersectoral Fair	Food&Agro products, industrial products	Yenişehir Fuar Merkezi	www.orientekspres.com	cuneyt.yuksel@orientekspres.com
16-20/01	Gapfood 14.Food, Food Technologies and Packaging Fair	Food and Food Technologies and Packaging	OFM Ortadoğu Fuar Merkezi	www.akort.com	akort@akort.com
16-20/01	Gaptarım 9.Agriculture, Agriculture Technologies and Stockbreeding Fair	Agricultural Products and Technologies and Stockbreeding	OFM Ortadoğu Fuar Merkezi	www.akort.com	akort@akort.com
17-20/01	Anfaş Food Product-25rd International Trade Exhibition For Food and Beverage	Seafood, Meat&Milk, Pastry Products, Frozen Foods, Oils, Natural Products, Dried Fruits, Nuts, Spices, Soft Drinks, Alkolics Beverages, Food Packaging Materials.	Antalya Fuar Merkezi	www.anfasfoodproduct.com	info@anfas.com.tr
18-21/01	Exponazagro Agriculture Livestock and Food Fair	Agriculture machines, livestock breeding machines equipments and technologies	Nazilli Eşref Özel Kapalı Çok Amaçlı Alanı	www.elitfuvar.com	info@elitfuvar.com
23-28/01	CNR İMOB 2018-İstanbul Furniture Fair	Home and Office Furnitures	İstanbul Fuar Merkezi Yeşilköy	www.itf-exhibitions.com	kaan.oksuz@cnr.net

Ngày	Tên hội chợ	Chuyên ngành	Nơi tổ chức	WEB	E-MAIL
25-28/01	Emitt 2018 22.East Mediterranean International Travel And Tourism Exhibition	Travel Agencies, Hotels, Rent A Car Companies, Tourism Offices, Tourism Ministries, Regional Tourism Offices	Tüyp Fuar ve Kongre Merkezi	www.euf.com.tr	info@ite-turkey.com
01-03/02	ATRAX'2018	6.International Amusement, attraction, park, recreation industry and services exhibition	İstanbul Fuar Merkezi Yeşilköy	www.tureksfuarc.com.tr	tureks@tureksfuarc.com.tr
01-04/02	13.Agroexpo International Agricultural Greenhouse & Livestock Exhibition	Agriculture, Agricultural Technologies, Greenhouse, Seed and Seedling Production, Feed Sector, Agricultural Irrigation, Livestock Breeding, Livestock Health Technologies	Fuar İzmir - Gaziemir	www.agroexpo.com.tr	info@orionfair.com

THÔNG TIN CHÍNH SÁCH

Một số thay đổi về thuế nhập khẩu ưu đãi từ 01/01/2018

Chính phủ vừa ban hành Nghị định số 125/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 122/2016/NĐ-CP về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan.

Để góp phần tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, góp phần nâng cao sức cạnh tranh của các ngành sản xuất trong nước và tạo thuận lợi cho công tác quản lý thuế của cơ quan Hải quan, Chính phủ đã ban hành Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan kèm theo Nghị định 125/2017/NĐ-CP.

Các mức thuế xuất khẩu, nhập khẩu tại Nghị định 125/2017/NĐ-CP thực hiện theo đúng nguyên tắc ban hành Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13. Hai trong số những nguyên tắc đó là: (1) Đơn giản, minh bạch, tạo thuận lợi cho người nộp thuế và thực hiện cải cách thủ tục hành chính về thuế; (2) áp dụng thống nhất mức thuế suất đối với hàng hóa có cùng bản chất, cấu tạo, công dụng, có tính năng kỹ thuật tương tự; thuế suất thuế nhập khẩu giảm dần từ thành phẩm đến nguyên liệu thô; thuế suất thuế xuất khẩu tăng dần từ thành phẩm đến nguyên liệu thô.”

Theo đó biểu thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành kèm theo Nghị định 125/2017/NĐ-CP nhằm thống nhất với danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27/6/2017 về Danh mục hàng hóa xuất khẩu, hàng hóa nhập khẩu Việt Nam theo AHTN 2017.

Các Biểu thuế ban hành kèm theo Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 có một số thay đổi như sau:

Thay đổi mã HS: Danh mục biểu thuế nhập khẩu ban hành kèm theo Nghị định 125/2017/NĐ-CP gồm 10.813 dòng hàng ở cấp độ 08 chữ số tăng 1.255 dòng so với danh mục năm 2012 (giữ nguyên mô tả và mã hàng của 7.810 dòng, gộp 682 dòng; tách mã, chuyển mã và bổ sung dòng hàng mới 2.321 dòng). Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu mới bổ sung thêm một số dòng mới để cập nhật thay đổi về công nghệ, thương mại, kiểm soát an ninh lương thực, các chất ảnh hưởng đến môi trường...; xóa một số dòng có kim ngạch thương mại thấp; mô tả lại một số dòng để rõ phạm vi, xử lý vướng mắc về phân loại thực tế. Theo đó một số nhóm mặt hàng có thay đổi về mã số HS so với biểu thuế cũ như nhóm ngành hàng ô tô, thủy sản, thuốc trừ côn trùng, diệt nấm, diệt cỏ, gỗ, cao su, dệt may, gốm sứ..

Thay đổi mức thuế suất thuế xuất khẩu: Sửa đổi thuế xuất khẩu, mô tả hàng hóa, và các tiêu chí kỹ thuật của 9 nhóm mặt hàng như: nhôm ở dạng thanh, que, hình; gỗ; thanh đồng; xỉ...

Thay đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu:

Sửa đổi thuế nhập khẩu: 151 dòng thuế thay đổi thuế suất do chuyển đổi danh mục tập trung vào một số nhóm mặt hàng như thủy sản, thuốc trừ côn trùng, diệt nấm, diệt cỏ, gỗ, lốp cao su, dệt may, gốm sứ, màn hình, máy chiếu, bộ nhớ, mạch điện tử, ô tô...

Sửa đổi về tiêu chí kỹ thuật cũng như mức thuế của 33 nhóm mặt hàng như: mặt hàng nhôm chưa gia công, không hợp kim và hợp kim, than, ethanol nhiên liệu (E100), clinker, xi măng, sắt thép...

Bổ sung thêm 05 nhóm có mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi riêng vào Chương 98, ví dụ như: set top boxes, thuốc trị mụn trứng cá, kính quang học chưa được gia công về mặt quang học...

Những thay đổi về thuế ban hành kèm theo Nghị định số 125/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018.

Đã có biểu thuế suất thông thường mới đối với hàng hóa nhập khẩu

Thủ tướng Chính phủ vừa ban hành Quyết định số 45/2017/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung Quyết định số 36/2016/QĐ-TTg ngày 1/9/2016 quy định việc áp dụng thuế suất thông thường đối với hàng hóa nhập khẩu.

Theo đó, từ 01/01/2018 sẽ áp dụng Biểu thuế suất thuế nhập khẩu thông thường (gọi tắt là Biểu thuế suất mới) tại Phụ lục đính kèm Quyết định 45, thay vì Phụ lục thuế suất tại Quyết định số 36/2016/QĐ-TTg ngày 1/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

Cụ thể, áp dụng Danh mục các mặt hàng có mức thuế suất nhập khẩu ưu đãi bằng 0% tại Mục I, II Phụ lục II Nghị định 125 thay vì dùng Mục I, Mục II Phụ lục II Nghị định 122/2016/NĐ-CP; Áp dụng mức thuế suất thông thường bằng 150% mức thuế suất nhập khẩu ưu đãi của từng mặt hàng tương ứng tại Phụ lục II Nghị định 125, thay thế Phụ lục II Nghị định 122 trong trường hợp:

- Hàng hóa nhập khẩu không có tên trong Danh mục của Biểu thuế suất mới và không thuộc trường hợp áp dụng thuế suất ưu đãi hoặc thuế suất ưu đãi đặc biệt quy định tại điểm a, b Khoản 3 Điều 5 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thì áp dụng mức thuế suất thông thường bằng 150% mức thuế suất nhập khẩu ưu đãi của từng mặt hàng tương ứng quy định tại Phụ lục II Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ (quy định cũ tại Nghị định số 122/2016/NĐ-CP).

Quyết định số 45/2017/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018.

Phấn đấu sản xuất thủy sản tăng 4,5 - 5%/năm giai đoạn năm 2017 - 2020

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2017 – 2020 kèm theo Quyết định số 1819/QĐ-TTg.

Nhằm phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững, nâng cao giá trị gia tăng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh; cải thiện nhanh hơn đời sống của nông dân, góp phần xóa đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường, sinh thái và góp phần bảo đảm an ninh quốc phòng, vừa qua Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2017 – 2020 kèm theo Quyết định số 1819/QĐ-TTg.

Mục tiêu cụ thể đến năm 2020, tốc độ tăng GDP nông nghiệp đạt khoảng 3%/năm; tốc độ tăng năng suất lao động bình quân đạt từ 3,5%/năm; tỷ trọng lao động nông nghiệp giảm xuống dưới 40%; lao động nông nghiệp được đào tạo đạt khoảng 22%. Bên cạnh đó, thu nhập của cư dân nông thôn tăng ít nhất 1,8 lần so với năm 2015; 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới; 15.000 hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả; hầu hết dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh. Đồng thời, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường sinh thái, giảm phát thải trong sản xuất nông nghiệp; tỷ lệ che phủ rừng đạt 42%.

Về lĩnh vực thủy sản, định hướng giai đoạn 2017-2020, sẽ đẩy mạnh khai thác xa bờ, đầu tư hiện đại hóa trang thiết bị chế biến, bảo quản trên tàu nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch; tổ chức lại sản xuất trên biển theo mô hình hợp tác, liên kết chuỗi giữa khai thác - cung ứng dịch vụ hậu cần và thu mua trên biển - chế biến thủy sản, gắn với bảo vệ và phát triển nguồn lợi. Bên cạnh đó, phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng hiệu quả, bền vững; đa dạng hóa đối tượng và phương thức nuôi phù hợp với lợi thế so sánh của từng vùng, địa phương; tổ chức liên kết sản xuất theo chuỗi, từ cung ứng giống, vật tư đầu vào, kỹ thuật, nuôi đến chế biến thủy sản; phát triển mạnh nuôi thâm canh ứng dụng công nghệ cao, quy trình thực hành nuôi tốt, an toàn sinh học, bảo vệ môi trường sinh thái. Nuôi trồng thủy sản có chứng nhận với các sản phẩm chủ lực (tôm, cá tra, nhuyễn thể,...); phát triển một số sản phẩm nuôi có tiềm năng (cá quả, rô phi, thác lác,...), phát triển nuôi biển (tôm hùm, cá biển, rong biển,...). Phấn đấu đạt tốc độ tăng giá trị sản xuất thủy sản khoảng 4,5 - 5,0%/năm; tốc độ tăng thu nhập từ sản xuất thủy sản đạt tối thiểu 5%/năm; sản lượng thủy sản đạt 7 triệu tấn.

TIN VĂN

- Kế hoạch triển khai lò giết mổ của thành phố Hồ Chí Minh bị hoãn

Sở NN&PTNT thành phố Hồ Chí Minh muốn gia hạn thêm 4 tháng để triển khai kế hoạch mở 4/7 lò giết mổ. Theo báo cáo của nhà thầu dự án, 4 lò giết mổ có thể bắt đầu đi vào hoạt động từ quý 1/2018. Công suất hoạt động tổng cộng dự kiến đạt 8.000 tấn/ngày. Trong một nỗ lực khác nhằm đảm bảo ATTP tại thành phố, Bộ NN&PTNT đã ban hành thông tư về Các tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về thú y, có hiệu lực từ ngày 30/12/2017 tới, khiến việc mở các lò giết mổ mới trở nên khó khăn hơn cho các nhà thầu.

- Nhập lậu lợn gây thiệt hại cho nông dân chăn nuôi lợn Campuchia.

Hơn 50% hộ chăn nuôi lợn quy mô nhỏ tại Campuchia đã phải giảm hoạt động trong năm 2017 do giá lợn sống giảm mạnh. Nguyên nhân chính theo Hiệp hội những người chăn nuôi lợn Campuchia nhận định được cho là do luồng lợn nhập khẩu lậu từ các nước láng giềng, Giá lợn sống giảm từ 1,75 – 2 USD/kg năm 2016 xuống còn 1,5 USD/kg trong năm 2017. Theo Hiệp hội, khoảng 1.800 con lợn sống được giao dịch qua biên giới hàng ngày, vượt xa hạn ngạch tối đa 1.250 con/ngày do Bộ Nội vụ nước này đặt ra.

- Indonesia kỳ vọng được hưởng thuế 0% cho các thủy sản xuất khẩu sang EU

Bộ Thủy sản và Nghề cá Indonesia đang kỳ vọng EU hạ thuế nhập khẩu các sản phẩm thủy sản từ Indonesia. Theo ông Nilanto Perbowo, tổng giám đốc Cục Xúc tiến Cạnh tranh Thủy sản và Nghề cá Indonesia, mức thuế nhập khẩu do EU áp dụng đối với Indonesia hiện vẫn rất cao, khoảng từ 6 – 24%. Trong khi đó, các nước khác như Đông Timor, Papua New Guinea và Việt Nam được hưởng mức thuế thấp hơn nhiều và một số mặt hàng thậm chí được hưởng chế độ phi thuế. Ông cho rằng đây là thời điểm Indonesia cũng được hưởng các đặc quyền tương tự.

- Sử dụng gạo làm TACN đang tăng tại Nhật Bản

Sử dụng gạo làm thức ăn chăn nuôi (TACN) tại Nhật Bản đang tăng, mang lại giá trị gia tăng cho các sản phẩm chăn nuôi tại một số khu vực. Japan Times cho biết ngày càng nhiều nông dân chuyển từ các nguyên liệu nhập khẩu như ngô sang gạo nội địa để làm TACN. Tại một số khu vực, sử dụng gạo đang giúp tạo dựng thương hiệu cho các sản phẩm chăn nuôi. Liên hiệp HTX Palsystem Consumers đã nâng tỷ trọng sử dụng gạo trong TACN cho lợn từ 10% lên 30%. Thịt lợn nuôi bằng gạo đang ngày càng được người tiêu dùng Nhật Bản ưa chuộng do thịt lợn nuôi bằng gạo mềm hơn và không béo. Với việc Chính phủ khuyến khích nông dân trồng lúa chuyển sang sản xuất lúa gạo làm TACN để duy trì các cánh đồng lúa và bảo vệ môi trường, sản xuất TACN từ gạo tại Nhật Bản đã tăng vọt từ 8.000 tấn năm 2008 lên 506.000 tấn.

- Trung Quốc mở cửa thị trường cho thịt lợn, thịt bò Pháp

Trung Quốc đã cam kết công bố các kết quả kiểm tra thực địa hồi tháng 11/2015 và cấp phê duyệt trước khi kết thúc năm 2017 cho các công ty thịt lợn Pháp đạt tiêu chuẩn xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc. Đồng thời, Trung Quốc cho biết sẽ xúc tiến quy trình mở cửa thị trường cho thịt bò Pháp, dựa trên quyết định dỡ bỏ lệnh cấm ban hành hồi tháng 3/2017. Đây là các đồng thuận đạt được trong Đối thoại cấp cao Kinh tế và Tài chính Trung Quốc – Pháp lần thứ 5, tổ chức vào ngày 01/12/2017. Hai bên cũng đồng thuận về việc tạo điều kiện cho các sản phẩm từ Pháp tiếp cận các khách hàng Trung Quốc trên thị trường thức ăn chăn nuôi.

- Philippin dỡ lệnh cấm nhập khẩu các sản phẩm thịt của Braxin

Philippin đã dỡ lệnh cấm kéo dài 4 tháng về nhập khẩu các sản phẩm thịt bò, gia cầm và các loại thịt khác từ Braxin sau khi Cơ quan Giám sát Nông sản (DAIM) đánh giá tình hình. DAIM kết luận rằng các nhà xuất khẩu thịt Braxin sang Philippin đang tuân thủ các yêu cầu an toàn thực phẩm và thú y động vật sau khi kiểm tra một số nhà giết mổ và nhà máy xẻ thịt tại Braxin vào tháng 10 vừa qua. Chính phủ Philippin đã cấm nhập khẩu các sản phẩm thịt của Braxin vào tháng 7/2017 sau khi tìm thấy chất salmonella trong các sản phẩm này. Việc dỡ bỏ lệnh cấm được kỳ vọng sẽ giúp tăng nhu cầu đối với thịt, đặc biệt là các sản phẩm thịt gia cầm từ Braxin.